



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18040/BTC-CST

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2025

V/v xin ý kiến thẩm định dự thảo
Nghị định quy định phí sử dụng
đường bộ thu qua đầu phương
tiện đối với xe ô tô

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 27/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 53/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (gọi chung là dự thảo Nghị định).

Hồ sơ dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Liên đoàn Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam và đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân (theo công văn số 14035/BTC-CST ngày 10/9/2025 của Bộ Tài chính).

Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia và đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

Ngày 17/10/2025, Bộ Tài chính đã có Công văn số 16174/BTC-PC báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xin điều chỉnh Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, trong đó đề nghị bổ sung Nghị định thay thế Nghị định 90/2023/NĐ-CP vào Chương trình Công tác năm 2025 của Chính phủ, soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn, thời hạn trình Chính phủ tháng 12/2025.

Ngày 04/11/2025, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 10690/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đồng ý điều chỉnh Chương trình Công tác năm 2025 như đề xuất của Bộ Tài chính tại Công văn số 16174/BTC-PC.

Để kịp thời trình Chính phủ ban hành Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 (cùng với thời gian có hiệu lực của Luật Ngân sách nhà nước), căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính gửi quý Bộ

toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị định đề quý Bộ sớm thẩm định theo quy định (gửi kèm).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý Bộ. *DM*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (PLP). *Thư*
(5b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



MA
Cao Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP
ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu,
nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Ngày 27/6/2024, Quốc hội ban hành Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, trong đó sửa đổi tên “phí sử dụng đường bộ” thành “phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô”.

- Ngày 27/6/2024, Quốc hội ban hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, trong đó sửa đổi thuật ngữ, điều kiện xe ô tô tham gia giao thông... liên quan đến đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ.

- Ngày 26/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, trong đó, tại điểm a khoản 1 Mục II Điều 1, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66/NQ-CP, Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ:

“a) Cắt giảm, đơn giản hoá ngay TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các TTHC, 30% chi phí tuân thủ TTHC.”

“d) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, TTHC tại các VBQPPL áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn...”

- Ngày 27/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1848/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính, trong đó, tại Phần VII Phương án ban hành kèm theo Quyết định này giao

Bộ Tài chính sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP theo hướng cắt giảm TTHC; lộ trình thực hiện năm 2025.

Tại Điều 8 Nghị định 90 quy định 05 TTHC: (i) Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp; (ii) Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên; (iii) Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ; (iv) Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu; (v) Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ. Qua rà soát cho thấy cần cắt giảm một số thủ tục không cần thiết và cần cắt giảm thời gian thực hiện TTHC cho phù hợp.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), trong đó quy định: toàn bộ các khoản phí từ hoạt động do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, đồng thời, bỏ cơ chế trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật phí và lệ phí.

Từ các căn cứ nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP là có cơ sở pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo đánh giá của Bộ Xây dựng tại công văn số 4315/BXD-VP ngày 31/5/2025 và công văn số 5721/BXD-VP ngày 25/6/2025, qua gần 02 năm triển khai thực hiện, Nghị định số 90/2023/NĐ-CP đã phát huy tốt hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý thu phí sử dụng đường bộ thông qua hệ thống các cơ sở đăng kiểm trên cả nước. Số thu phí sử dụng đường bộ là cơ sở để bố trí tăng kinh phí bảo trì, duy tu hệ thống giao thông đường bộ cả nước. Năm 2024 tổng số thu phí sử dụng đường bộ đã vượt ngưỡng 14.000 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đến nay, trong quá trình thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP có phát sinh một số tình huống mới chưa được quy định trong Nghị định. Ví dụ như: xe bị tạm giữ từ 30 ngày trở lên, xe hết hạn đăng kiểm không tham gia giao thông đường bộ nhưng vẫn bị truy thu phí; các loại giấy tờ tương tự của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi, thanh lý, đấu giá chưa bao quát đối với trường hợp kiểm định xe ô tô bị tịch thu, bị thu hồi sau đó được bán phát mại, thanh lý.

Từ các nội dung nêu trên, để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, thực hiện chủ trương về cải cách TTHC thì việc xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành dự thảo Nghị định

- Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt là đầu tư phát triển hệ thống đường cao tốc.

- Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản

xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

- Huy động kịp thời, hợp lý nguồn lực từ người sử dụng đường bộ để tạo nguồn lực cho bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để khắc phục được các bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện thời gian qua.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật về: phí, lệ phí, giao thông đường bộ, NSNN, quản lý thuế và pháp luật liên quan.

- Phù hợp với tình hình thực tiễn, kế thừa nội dung quy định thu phí sử dụng đường bộ hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP, triển khai nhiệm vụ tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đã có công văn số 6576/BTC-CST ngày 15/5/2025 gửi Bộ Xây dựng đề nghị tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP thời gian qua và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, trong đó có nội dung đề xuất việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến trả lại và bù trừ phí sử dụng đường bộ đã nộp (cắt giảm TTHC, giảm thời gian giải quyết của các TTHC, chi phí tuân thủ TTHC dựa trên ứng dụng công nghệ, tái sử dụng dữ liệu và gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy) gửi Bộ Tài chính.

Bộ Xây dựng đã có công văn số 4315/BXD-VP ngày 31/5/2025 và công văn số 5721/BXD-VP ngày 25/6/2025 gửi Bộ Tài chính về việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP và đề xuất sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

Ngày 10/9/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 14035/BTC-CST về xin ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP về phí sử dụng đường bộ.

Ngày 17/10/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 16174/BTC-PC báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xin điều chỉnh Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, trong đó đề nghị bổ sung Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP vào Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn, thời hạn trình Chính phủ tháng 12/2025.

Ngày 04/11/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 10690/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đồng ý điều chỉnh Chương trình công tác năm 2025 như đề xuất của Bộ Tài chính tại Công văn số 16174/BTC-PC, theo đó Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP đã được đưa vào Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ và được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 29/9/2025, Bộ Tài chính có Quyết định số 3282/QĐ-BTC về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định.

Tổng hợp các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã xây dựng Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia về dự thảo Nghị định (trình kèm). Trên cơ sở ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định và có công văn số 18040/BTC-CST ngày 20/11/2025 đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

- Tại Điều 1 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: *“Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) và thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ.”*

- Tại khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ năm 2024 quy định tên phí là: *“Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.”*

Căn cứ quy định nêu trên, để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ năm 2024, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên phí *“phí sử dụng đường bộ”* thành *“phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô”* tại tên dự thảo Nghị định.

Đồng thời, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: *“Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô (sau đây gọi là phí sử dụng đường bộ) và trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ.”*

1.2. Đối tượng áp dụng

Tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP không quy định đối tượng áp dụng. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với Luật Ban hành VBQPPL, tại dự thảo Nghị định bổ sung thêm nội dung về đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Nghị định này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí sử dụng đường bộ và các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.”

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 03 Chương, 11 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung, gồm 05 Điều (từ Điều 1 đến Điều 5) quy định về: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Đối tượng chịu phí và người nộp phí; Đối tượng không chịu phí; Các trường hợp miễn phí; Tổ chức thu phí.

- Chương II. Quy định cụ thể, gồm 04 Điều (từ Điều 6 đến Điều 9) quy định về: Mức thu phí; Tính, khai, thu và nộp phí; Quản lý và sử dụng phí; Trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí.

- Chương III. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 10 và Điều 11) quy định về: Hiệu lực thi hành; Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

(1) Về đối tượng chịu phí và người nộp phí

a) Về đối tượng chịu phí

- Tại khoản 1, khoản 5 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định:

“1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe), kiểm định để lưu hành (được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường), bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là ô tô).”

- Tại khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ năm 2024 quy định: *“Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.”*

- Tại điểm a khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định: *“a) Xe ô tô gồm: xe có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray, dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc hoặc được kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được nối với đường dây dẫn điện; xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn 400 kg; xe ô tô không bao gồm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.”*

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 thì xe ô tô tham gia giao thông đường bộ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

“a) Được cấp chứng nhận đăng ký xe và gắn biển số xe theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.”

- Theo trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới quy định tại pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ¹ thì chủ xe ô tô có thể xuất trình bản chính Giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe để được kiểm định.

Căn cứ các quy định nêu trên, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định về đối tượng chịu phí tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định về phân loại xe ô tô, điều kiện để được tham gia giao thông tại pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

¹ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

(nội dung liên quan đến việc chưa thu phí đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài giữ như quy định hiện hành do trong quá trình thực hiện không có vướng mắc), cụ thể như sau:

“1. Xe ô tô theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được cấp chứng nhận đăng ký xe, gắn biển số xe và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Giấy chứng nhận kiểm định) theo quy định của pháp luật là đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ, trừ các đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này.”

b) Về người nộp phí

Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: *“1. Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại Điều 2 Nghị định này là người nộp phí sử dụng đường bộ.”*

Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ quy định: *“Chủ phương tiện là chủ sở hữu phương tiện hoặc cá nhân, tổ chức khác được chủ sở hữu phương tiện chuyển giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện thuộc đối tượng phải thu các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện. Chủ phương tiện đồng thời là chủ tài khoản giao thông, chủ phương tiện thanh toán được quy định tại Nghị định này.”*

Đề thống nhất với quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng chịu phí đã báo cáo ở trên và Nghị định số 119/2024/NĐ-CP, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định về người nộp phí tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện xe ô tô hoặc tổ chức, cá nhân khác được chủ sở hữu chuyển giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện xe ô tô (sau đây gọi chung là chủ xe) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ, trừ các trường hợp miễn phí theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

(2) Về đối tượng không chịu phí

a) Đối với xe ô tô bị hư hỏng không sử dụng được; bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông

Tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định xe ô tô *“bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai”*, *“bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe”* không chịu phí sử dụng đường bộ.

Theo Bộ Xây dựng, thực tế có nhiều trường hợp xe bị hủy hoại do nguyên nhân khác ngoài lý do tai nạn hoặc thiên tai. Đồng thời, qua rà soát pháp luật hiện hành chưa có quy định về xe ô tô *“bị hủy hoại”*.

Ngoài ra, tại khoản 6 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định các trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe biển số

xe². Trong đó, chỉ có các trường hợp sau là không chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP: Xe hư hỏng không sử dụng được; Xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

Tại khoản 7 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định xe ô tô hư hỏng không sử dụng được thuộc trường hợp thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ³.

Căn cứ các quy định nêu trên và kế thừa quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định xe ô tô “*bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai*”, “*bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe*” không chịu phí sử dụng đường bộ tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP thành xe ô tô “*Bị hư hỏng không sử dụng được; bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông*” thuộc đối tượng không chịu phí tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất với pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên

Tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định xe ô tô “*bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên*”, “*xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên*” không chịu phí sử dụng đường bộ và cùng chung TTHC.

Như đã báo cáo tại điểm a nêu trên thì ngoài nguyên nhân tai nạn thì còn có nhiều nguyên nhân khác dẫn đến xe không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa. Đồng thời, tại điểm c khoản 2 Điều 36 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 chỉ quy định về biển số xe chung cho xe hoạt động kinh doanh vận tải (biển nền màu vàng, chữ và số màu đen), không phân biệt là xe của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hay xe cá nhân và hiện nay có rất nhiều xe của cá nhân cũng kinh doanh vận tải.

² “ 6. Các trường hợp thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng bao gồm:

a) Chuyển quyền sở hữu xe; trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trùng dấu giá thì chỉ thu hồi chứng nhận đăng ký xe;

b) Xe nhập khẩu được miễn thuế hoặc xe tạm nhập của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài mà tái xuất, chuyển quyền sở hữu hoặc tiêu hủy; xe hết thời hạn đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế;

c) Xe đã đăng ký nhưng phát hiện hồ sơ xe bị làm giả hoặc có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi trái phép số khung, số máy; xe tháo máy để đăng ký sử dụng cho xe khác;

d) Xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, hư hỏng không sử dụng được;

đ) Xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;

e) Việc cấp đăng ký, cấp biển số xe không đúng quy định của pháp luật.”

³ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Do đó, để phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Bộ Tài chính trình Chính phủ gộp chung điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP và hoàn chỉnh lại thành ***“xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; xe hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông”*** thuộc đối tượng không chịu phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định.

c) Đối với xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng

Tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: Xe của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ hoặc xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông, chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng... không chịu phí sử dụng đường bộ.

Qua rà soát các VBQPPL có liên quan (Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân...) và thực tế phát sinh đối tượng ***“hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh”*** có xe chạy trong phạm vi đất nội bộ, phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học, không tham gia giao thông.

Ngoài ra, tại Điều 9 Luật Đường bộ năm 2024 phân loại đường bộ theo chức năng phục vụ gồm: đường chính, đường nhánh, đường gom, đường bên, đường dành cho giao thông công cộng, đường nội bộ, đường dành riêng cho người đi bộ, người đi xe đạp và các đường khác; trong đó, ***“đường dành cho giao thông công cộng là đường phục vụ cho tất cả mọi người, phương tiện giao thông đường bộ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”***

Theo đó, để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Đường bộ năm 2024 và quy định của pháp luật khác có liên quan, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ hoàn chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (thể hiện tại điểm d khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định) theo hướng:

- Bổ sung xe của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng vào đối tượng không chịu phí.

- Làm rõ xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng là xe chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông,

lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khó vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học.

- Sửa đổi cụm từ “*đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ*” thành “*đường dành cho giao thông công cộng*” để đồng bộ với Luật Đường bộ năm 2024 (tiếp thu đề xuất của Bộ Xây dựng).

d) Đối với xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó được công an tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe

Tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định “*Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên*” không chịu phí sử dụng đường bộ.

Trong quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc, tuy nhiên để đồng bộ với quy định về thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí, Bộ Tài chính trình Chính phủ hoàn chỉnh lại quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (thể hiện tại điểm e khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: “*e) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó được công an tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe.*”

(3) Về các trường hợp miễn phí

Tại Điều 3 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định miễn phí sử dụng đường bộ đối với 05 loại xe, gồm: (1) Xe cứu thương; (2) Xe chữa cháy; (3) Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ; (4) Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng; (5) Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của lực lượng công an nhân dân.

Trong quá trình triển khai thực hiện chỉ có trường hợp xe chuyên dùng phục vụ tang lễ có phát sinh vướng mắc do ngoài tổ chức kinh doanh phục vụ tang lễ còn có phát sinh những trường hợp là hộ kinh doanh phục vụ tang lễ.

Để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định rõ về việc miễn phí đối với xe chuyên dùng phục vụ tang lễ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ (thể hiện khoản 3 tại Điều 4 dự thảo Nghị định).

(4) Về tổ chức thu phí

- Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: “*2. Tổ chức thu phí bao gồm:*

a) *Cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.*

b) *Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại điểm a khoản này). Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp số phí thu của các đơn vị đăng kiểm, kê khai, nộp phí theo quy định.*”

- Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới quy định: “*Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã*

được thành lập theo quy định của pháp luật, bao gồm: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.”

Căn cứ quy định nêu trên và để thống nhất với quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng chịu phí tại dự thảo Nghị định, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền (Cục Đường bộ Việt Nam có thể trực tiếp thu phí hoặc giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc), Bộ Tài chính trình Chính phủ hoàn chỉnh lại quy định điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (thể hiện tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định) như sau: “a) Cục Đường bộ Việt Nam **tổ chức** thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.” Đồng thời, sửa cụm từ “đơn vị đăng kiểm” thành “cơ sở đăng kiểm” tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (thể hiện tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định) và tại các nội dung khác của dự thảo Nghị định cho phù hợp.

(5) Về mức thu phí

Tại Điều 5 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Tại Phụ lục I về Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định mức thu phí đối với xe dân sự từ 130.000 đồng đến 1.430.000 đồng/tháng (áp dụng cho các thời gian 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng); xe của lực lượng quốc phòng, công an từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/năm.

Để đảm bảo phù hợp với pháp luật chuyên ngành và đảm bảo công bằng đối với các xe hành khách công cộng, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Phụ lục I về Biểu mức thu phí ban hành kèm theo dự thảo Nghị định như sau:

(1) Thay đổi các cụm từ: “xe chở người dưới 10 chỗ ngồi” thành “xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe)”, “Xe chở người dưới 25 chỗ” thành “xe chở người đến 24 chỗ (không kể chỗ của người lái xe)”, “Xe chở người dưới 40 chỗ” thành “xe chở người đến 39 chỗ (không kể chỗ của người lái xe)” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết.

(2) Phân chia mức phí của “xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe)” theo hình thức xe kinh doanh vận tải và xe không kinh doanh vận tải để phù hợp thực tiễn hoạt động của loại xe này.

(6) Về tính, khai, thu, nộp phí

Tại Điều 6 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: (i) Nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm (đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định từ 01 năm trở xuống, chủ xe thực hiện nộp phí cho cả chu kỳ kiểm định; đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định trên 01 năm, chủ xe phải nộp phí theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ kiểm định 18 tháng, 24 tháng và 36 tháng); (ii) nộp phí theo năm dương lịch; (iii) nộp phí theo tháng.

Đề phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, phù hợp với pháp luật về quản lý thuế, phù hợp với pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các pháp luật khác có liên quan, đồng thời đảm bảo rõ ràng, thuận lợi trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ hoàn thiện lại nội dung về tính, khai, thu, nộp phí tại Điều 7 dự thảo Nghị định như sau:

- Làm rõ thời điểm tính phí, thời điểm thay đổi mức thu phí đối với các trường hợp xe cải tạo, xe kiểm định lần đầu hoặc được miễn kiểm định lần đầu.

- Quy định rõ xe ô tô được thanh lý, phát mại (bao gồm cả xe ô tô có nguồn gốc từ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an, trừ xe ô tô mang biển số xe có seri "KT") thì chủ xe mới (sau khi xe đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô theo chủ mới) chỉ phải nộp phí từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành; đồng thời, sửa đổi các giấy tờ chủ xe mới phải xuất trình cho cơ sở đăng kiểm để phù hợp với pháp luật về dân sự, tố tụng dân sự và phù hợp với thực tiễn phát sinh.

- Kết cấu lại nội dung tính, khai, thu, nộp phí để đảm bảo rõ ràng trong quá trình thực hiện, chuyển các nội dung có liên quan đang được quy định tại các Điều khác của Nghị định số 90/2023/NĐ-CP lên quy định tại Điều khai, thu, nộp phí (như nội dung khai, nộp và quyết toán phí của Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đăng kiểm Việt Nam (ĐKVN)) để đảm bảo tính thống nhất trong dự thảo Nghị định, phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(7) Về quản lý và sử dụng phí

- Tại Điều 7 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: Đơn vị đăng kiểm được trích để lại 1,32%, chuyển về Cục ĐKVN 3% và nộp phần còn lại vào NSNN.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật NSNN, trong đó quy định: (i) Toàn bộ các khoản phí từ hoạt động do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN. Đồng thời, bỏ cụm từ: "*trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN*" tại khoản 1 Điều 12 Luật Phí và lệ phí.

Theo đó, để phù hợp với quy định của pháp luật phí, lệ phí và Luật NSNN năm 2025, đảm bảo việc trích để lại cho cơ sở đăng kiểm trên số tiền phí thực thu, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định nội dung quản lý và sử dụng phí tại Điều 8 dự thảo Nghị định như sau:

- Quy định tỷ lệ trích để lại tiền phí cho cơ sở đăng kiểm là 1,28% ($1,32\% \times 97\% = 1,28\%$, do bỏ quy định chuyển về Cục ĐKVN 3%) trên số tiền phí thu được sau khi trừ số tiền được trả lại hoặc bù trừ.

(8) Về trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí

Tại Điều 8 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định về 035 TTHC liên quan đến hồ sơ, thủ tục xác định xe không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp, gồm: (i) Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả

lại tiền phí đã nộp; (ii) Thủ tục xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên (thực hiện TTHC ở 02 cơ quan, gồm: Sở Xây dựng và đơn vị đăng kiểm); (iii) Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ.

Để đảm bảo mục tiêu cắt giảm các TTHC không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 66/NĐ-CP và đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đề đảm bảo thống nhất các nội dung trong dự thảo Nghị định, đảm bảo đúng bản chất của TTHC, đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

- Sửa đổi tên Điều 9 tại dự thảo Nghị định thành “*Trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí*”.

Tại dự thảo Nghị định giữ 03 TTHC, gồm:

(i) Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp.

(ii) Thủ tục xin tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên.

(iii) Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng.

- Kết cấu lại nội dung Điều 9: (i) Các trường hợp thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp; (ii) Hồ sơ xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại phí hoặc bù trừ phí đã nộp thời gian nộp; (iii) Trình tự thực hiện xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí (trừ các trường hợp riêng); (iv) Trình tự thực hiện đối với các trường hợp riêng (xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên; xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng).

3.2. Nội dung bổ sung so với quy định hiện hành

(1) Về đối tượng không chịu phí

b) Đối với xe ô tô bị tịch thu, tạm giữ

Tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định xe ô tô “*bị tịch thu*” không chịu phí sử dụng đường bộ.

Theo Bộ Xây dựng, xe tạm giữ liên quan đến các vụ án buôn lậu, đánh bạc, gây tai nạn giao thông... cũng không sử dụng hệ thống giao thông đường bộ cũng giống như trường hợp xe bị tịch thu, thu hồi.

Tại khoản 3 Điều 119 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định “*Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề*” là một trong các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ các quy định nêu trên, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung xe ô tô “*bị tạm giữ*” vào đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ tại điểm b khoản 3 dự thảo Nghị định.

(2) Về mức thu phí

Tại Điều 5 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Tại Phụ lục I về Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định mức thu phí đối với xe dân sự từ 130.000 đồng đến 1.430.000 đồng/tháng (áp dụng cho các thời gian 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng).

Để đảm bảo phù hợp với pháp luật chuyên ngành và đảm bảo công bằng đối với các xe hành khách công cộng, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung mức thu phí theo chu kỳ kiểm định 36 tháng để phù hợp với pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 (chu kỳ kiểm định của xe ô tô xác định theo loại phương tiện và thời gian sản xuất là 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng).

(3) Về tính, khai, thu, nộp phí

Tại Điều 6 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP không quy định hình thức nộp phí của người nộp phí.

Để phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, phù hợp với pháp luật về quản lý thuế, đồng thời đảm bảo rõ ràng, thuận lợi trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định để bao quát đầy đủ các hình thức nộp phí của người nộp phí để thuận tiện trong quá trình thực hiện (bao gồm cả hình thức nộp phí trực tuyến) tại Điều 7 dự thảo Nghị định.

3.3. Nội dung lược bỏ

(1) Về mức thu phí

Tại Điều 5 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Tại Phụ lục I về Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định mức thu phí đối với xe dân sự từ 130.000 đồng đến 1.430.000 đồng/tháng (áp dụng cho các thời gian 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng).

Để đảm bảo phù hợp với pháp luật chuyên ngành và đảm bảo công bằng đối với các xe hành khách công cộng, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ mức thu phí theo chu kỳ kiểm định 18 tháng để phù hợp với pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 (chu kỳ kiểm định của xe ô tô xác định theo loại phương tiện và thời gian sản xuất nên không còn chu kỳ kiểm định 18 tháng).

(2) Về tính, khai, thu, nộp phí

Tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: “c) Nộp phí theo tháng

Doanh nghiệp có số phí sử dụng đường bộ phải nộp từ 30 triệu đồng/tháng trở lên được thực hiện nộp phí theo tháng. Doanh nghiệp có văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) gửi đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí đối với các phương tiện của mình.

Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp phải đến đơn vị đăng kiểm (đã đăng ký nộp phí theo tháng) nộp phí sử dụng đường bộ cho tháng tiếp theo. Khi thu phí, tổ chức thu phí cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng thời gian nộp phí."

Theo đánh giá của Bộ Xây dựng thì trên thực tế còn rất ít doanh nghiệp đề nghị nộp phí theo tháng (chỉ còn một vài doanh nghiệp kinh doanh taxi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh) và khi doanh nghiệp nộp phí theo tháng, các cơ sở đăng kiểm phải theo dõi cho từng xe, từng tháng, dẫn đến tăng khối lượng công việc cho các cơ sở đăng kiểm

Đề đảm bảo rõ ràng, thuận lợi trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ hình thức nộp phí theo tháng.

(3) Về quản lý và sử dụng phí

- Tại Điều 7 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định: (i) Trường hợp tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn phí để lại được trích để lại là 1,2% và nộp 98,8% vào NSNN; (ii) Chuyển về Cục ĐKVN 3% và nộp phần còn lại vào NSNN; (iii) Sử dụng số tiền phí thu được để chi cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật NSNN, trong đó quy định: (i) Toàn bộ các khoản phí từ hoạt động do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN. Đồng thời, bỏ cụm từ: *"trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN"* tại khoản 1 Điều 12 Luật Phí và lệ phí; (ii) Quy định nguyên tắc cân đối NSNN: *"Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối NSNN, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện..."*

- Tại khoản 1 Điều 42 Luật Đường bộ năm 2024 quy định: *"Nguồn tài chính để đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan."* Như vậy, không còn quy định sử dụng nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ để chi cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường bộ.

Theo đó, để phù hợp với quy định của pháp luật phí, lệ phí và Luật NSNN năm 2025, Luật Đường bộ năm 2024, đảm bảo việc trích để lại cho cơ sở đăng kiểm trên số tiền phí thực thu, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ các nội dung sau tại Điều 8 dự thảo Nghị định:

- Bỏ quy định trích để lại (1,2%) cho tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn phí để lại.
- Bỏ quy định chuyển về Cục ĐKVN 3%) trên số tiền phí thu được sau khi trừ số tiền được trả lại hoặc bù trừ.
- Bỏ quy định “*chỉ cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ.*”

(4) Về trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí

Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định về 02 TTHC liên quan đến hồ sơ, thủ tục xác định xe không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp, gồm: (i) Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem đăng kiểm và Tem nộp phí sử dụng đường bộ; (ii) Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu.

Để đảm bảo mục tiêu cắt giảm các TTHC không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 66/NĐ-CP và đảm bảo phù hợp với thực tiễn, để đảm bảo thống nhất các nội dung trong dự thảo Nghị định, đảm bảo đúng bản chất của TTHC, đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

- Bỏ 02 TTHC “Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu” và “Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem thu phí sử dụng đường bộ”.

- Rà soát lại các nội dung có liên quan đến 02 TTHC bị cắt bỏ tại các điều, khoản khác tại dự thảo Nghị định.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định 05 TTHC như đã báo cáo tại điểm 3.8 mục 3 nêu trên. Nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giảm thời gian giải quyết TTHC, chi phí tuân thủ TTHC dựa trên ứng dụng công nghệ, tái sử dụng dữ liệu và gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

- Giữ 01 TTHC đối với “Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp” như quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. Lý do: Theo đánh giá của Bộ Xây dựng thì trình tự, hồ sơ, thời gian thực hiện, tổng chi phí tuân thủ TTHC tối ưu hóa, trong quá trình thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc.

- Đổi tên 01 TTHC đối với “Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ”. Lý do: Phù hợp với Luật Đường bộ.

- Giảm thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ TTHC đối với “Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên”, đồng thời đổi tên thủ tục thành “Thủ tục xin tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên” do bổ sung quy định đối tượng là xe không kinh doanh vận tải bị hư hỏng phải sửa chữa phải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên. Doanh nghiệp không phải xin xác nhận xe kinh doanh vận tải của

Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng). Chủ phương tiện chỉ cần nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông cho cơ sở đăng kiểm và cơ sở đăng kiểm lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định ngay sau khi nhận được Đơn. Như vậy, cắt giảm được cả thời gian giải quyết TTHC so với quy định trước đây tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. Tổng thời gian thực hiện TTHC giảm 80% (giảm 04 ngày làm việc).

- Bộ “Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu” do các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải không còn phải làm thủ tục nộp phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải cho Sở Xây dựng.

- Bộ “Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem thu phí sử dụng đường bộ” do xe dừng tham gia giao thông khi tham gia giao thông trở lại sẽ phải thực hiện kiểm định để được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định (chủ xe không phải làm Đơn xin cấp/cấp lại Tem kiểm định). Đồng thời, chủ xe cũng không phải đề nghị cấp/cấp lại Tem thu phí sử dụng đường bộ do đã bỏ Tem thu phí sử dụng đường bộ.

Theo đó, tại dự thảo Nghị định chỉ còn 03 TTHC, cụ thể:

(i) Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp.

(ii) Thủ tục xin tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên.

(iii) Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng.

(Chi tiết tại Báo cáo đánh giá TTHC trình kèm)

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Tại Điều 9 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định trách nhiệm về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ của Cục ĐKVN, đơn vị đăng kiểm, Cục Đường bộ Việt Nam và Bộ Xây dựng.

Để đảm bảo thống nhất về việc phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định về tổ chức thực hiện tại Điều 11 dự thảo Nghị định theo hướng chỉ còn giao trách nhiệm cho Bộ Xây dựng (là Bộ chuyên ngành chủ quản trong việc tổ chức thực hiện thu phí sử dụng đường bộ qua đầu phương tiện đối với xe ô tô).

Ngoài ra, thực hiện chủ trương về chuyển đổi số quốc gia, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định giao Bộ Xây dựng: *Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ (hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ) và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh để giải quyết các TTHC liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy định.*

3.6. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

Nội dung dự thảo Nghị định không phát sinh các vấn đề còn ý kiến khác cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền.

3.7. Về nội dung khác

Tại điểm b khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “*Ban hành VBQPPL thay thế VBQPPL hiện hành thuộc một trong các trường hợp: Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều.*”

Dự thảo Nghị định sửa 09/10 Điều và bổ sung thêm 01 Điều. Theo đó, trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

4. Tính tương thích, sự phù hợp của dự thảo Nghị định với các cam kết quốc tế và việc đảm bảo bình đẳng giới, chính sách dân tộc tại dự thảo Nghị định

4.1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế cũng như cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia, các nội dung dự kiến sửa đổi tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp, tương thích với các điều ước quốc tế cũng như cam kết quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc tham gia.

4.2. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

Chính sách phí sử dụng đường bộ nêu tại dự thảo Nghị định được áp dụng thống nhất trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử. Theo đó, các nội dung tại dự thảo Nghị định không quy định các vấn đề gây bất bình đẳng giới, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách dân tộc nên không có tác động về giới, chính sách dân tộc, không ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bình đẳng giới và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

5. Về việc bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Nội dung dự thảo Nghị định không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh của đất nước.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

(Nội dung này sẽ cập nhật sau)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung đảm bảo đồng bộ với pháp luật về Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật

NSNN và các quy định liên quan; Việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC đảm bảo mục tiêu đề ra theo Nghị quyết số 66/NQ-CP: “*Cắt giảm, đơn giản hoá ngay TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các TTHC, 30% chi phí tuân thủ TTHC.*”

Hoạt động tổ chức thu, nộp phí vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của cơ quan cung cấp dịch vụ; không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính cho việc tổ chức thực hiện Nghị định.

2. Thời gian trình ban hành

Ngày 17/10/2025, Bộ Tài chính có công văn số 16174/BTC-PC xin điều chỉnh Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Chương trình công tác năm 2025 đối với Nghị định thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn, **thời gian trình Chính phủ tháng 12/2025.**

Ngày 04/11/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 10690/VPCP-KTTH về việc điều chỉnh Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc có ý kiến: *Đồng ý điều chỉnh Chương trình công tác năm 2025 như đề xuất của Bộ Tài chính tại văn bản số 16174/BTC-PC ngày 17/10/2025.*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 90/2023/NĐ-CP kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá TTHC; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô (sau đây gọi là phí sử dụng đường bộ) và **trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ.**

2. **Nghị định này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí sử dụng đường bộ và các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.**

Điều 2. Đối tượng chịu phí và người nộp phí

1. Xe ô tô theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được cấp chứng nhận đăng ký xe, gắn biển số xe và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Giấy chứng nhận kiểm định) theo quy định của pháp luật là đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ, trừ các đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Chưa thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao

gồm cả trường hợp xe được **cấp chứng** nhận đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện xe ô tô hoặc tổ chức, cá nhân khác được chủ sở hữu **chuyển** giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện xe ô tô (sau đây gọi chung là **chủ xe**) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ, trừ các trường hợp miễn phí theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 3. Đối tượng không chịu phí

1. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau:

a) Xe bị hư hỏng không sử dụng được; xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Xe bị tịch thu, tạm giữ.

c) Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; *xe hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.*

d) Xe của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) hoặc xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng.

Xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại khoản này là xe chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học.

đ) Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.

e) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó được công an tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe.

2. Chủ xe có xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này đã nộp phí thì được trả lại hoặc bù trừ với số phí phải nộp của kỳ sau. Hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu phí thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

Điều 4. Các trường hợp miễn phí

Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các loại xe ô tô sau:

1. Xe cứu thương.

2. Xe chữa cháy.

3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm:

a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác).

b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có chứng nhận đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ). Đơn vị phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi cơ sở đăng kiểm khi kiểm định xe (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại).

4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dùng cho quốc phòng (bao gồm: xe xi téc, xe cần cẩu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng).

5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:

a) Xe cảnh sát giao thông có in dòng chữ "CẢNH SÁT GIAO THÔNG" ở hai bên thân xe;

b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ: "CẢNH SÁT 113" ở hai bên thân xe;

c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ "CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG" ở hai bên thân xe;

d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an nhân dân làm nhiệm vụ;

đ) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe chuyên dùng khác của Bộ Công an.

e) Xe đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe đặc chủng khác của Bộ Công an).

Điều 5. Tổ chức thu phí

1. Cục Đường bộ Việt Nam **tổ chức** thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an nhân dân.

2. Các cơ sở đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của các tổ

chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 1 Điều này). Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp số phí thu của các cơ sở đăng kiểm, kê khai, nộp phí theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Mức thu phí

Mức thu phí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.

Điều 7. Tính, khai, thu và nộp phí

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 2 Điều này).

a) Đối với xe ô tô kiểm định lần đầu hoặc được miễn kiểm định lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ là từ ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. Đối với xe ô tô cải tạo, thời điểm tính mức phí thay đổi (nếu có) là từ ngày xe được cấp Chứng nhận cải tạo. Đối với xe ô tô chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) khi chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại), thời điểm tính mức phí thay đổi là từ ngày cấp Chứng nhận đăng ký mới của xe ô tô.

b) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định từ 01 năm trở xuống, chủ xe thực hiện nộp phí cho cả chu kỳ kiểm định theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí (chu kỳ kiểm định), chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho chu kỳ kiểm định tiếp theo.

c) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định trên 01 năm (24 tháng và 36 tháng), chủ xe thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ kiểm định (24 tháng và 36 tháng) theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí (theo năm hoặc chu kỳ kiểm định), chủ xe phải đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho thời gian tiếp theo.

d) Trường hợp chủ xe đến kiểm định xe ô tô trước hoặc sau thời gian theo chu kỳ kiểm định quy định, cơ sở đăng kiểm kiểm tra xe và tính số tiền phí nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ xe có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ kiểm định). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp được tính bằng số ngày lẻ chia 30 ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

đ) Trường hợp chủ xe chưa nộp phí của các chu kỳ kiểm định trước theo thời hạn quy định thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ xe còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Cơ sở đăng kiểm tính và thực hiện truy thu số phí phải nộp của chu kỳ trước (số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng

nhân với thời gian chưa nộp phí).

e) Trường hợp **chủ xe đề nghị nộp phí** cho thời gian dài hơn chu kỳ kiểm định, cơ sở đăng kiểm **tính và thực hiện** thu phí theo yêu cầu của chủ xe.

g) **Đối với xe ô tô được thanh lý, phát mại** (có nguồn gốc từ xe ô tô bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe ô tô của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (mang biển kiểm soát màu xanh); xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an, trừ xe ô tô mang biển số xe có seri "KT"; xe ô tô thế chấp bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi) thì chủ xe mới (sau khi xe đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô theo chủ mới) chỉ phải nộp phí từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành. Khi kiểm định lưu hành, chủ xe phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Văn bản thông báo thu hồi, biên bản bàn giao tài sản thế chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe ô tô được thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm chủ xe mới đi kiểm định lại để lưu hành thì chủ xe mới nộp phí tính từ thời điểm nối tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

h) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu **nộp phí theo** năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm xe ô tô) đến cơ sở đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các xe ô tô của mình. Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo.

i) Khi chuyển quyền sở hữu xe ô tô, chủ xe cũ và chủ xe mới tự thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ theo quy định pháp luật dân sự. Trường hợp chủ xe cũ và chủ xe mới không thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ, chủ xe mới được kế thừa toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ đối với nhà nước về phí đối với xe ô tô nhận chuyển nhượng.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo **năm theo** mức thu phí quy định tại điểm 2 và điểm 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an sau khi thanh lý thì mức thu phí theo quy định tại điểm 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này kể từ khi xe được cấp biển số mới.

3. Người nộp phí thực hiện nộp phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí; hoặc nộp phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản của tổ chức thu phí.

b) Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Cơ quan, tổ chức thu phí có trách nhiệm chuyển toàn bộ tiền phí thu được vào tài khoản của tổ chức thu phí trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí.

4. Tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định tại pháp luật về quản lý thuế.

5. Khai, nộp và quyết toán phí của Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đăng kiểm Việt Nam.

a) Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện khai, nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định.

b) Chậm nhất ngày 20 hàng tháng, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện khai phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp toàn bộ số tiền phí thu được bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào ngân sách trung ương.

c) Hàng năm, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán số phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

Điều 8. Quản lý và sử dụng phí

1. Cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe nộp hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí thực hiện trả lại hoặc bù trừ số tiền phí sử dụng đường bộ đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này (nếu có).

2. Cơ sở đăng kiểm được trích để lại một phần hai mươi tám phần trăm (1,28%) số tiền phí thu được (sau khi trả lại hoặc bù trừ số tiền phí theo quy định tại khoản 1 Điều này) để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

a) Trường hợp cơ sở đăng kiểm áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của cơ sở đăng kiểm. Cơ sở đăng kiểm thực hiện khai, nộp thuế theo quy định pháp luật về thuế.

b) Trường hợp cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở đăng kiểm quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

3. Cơ sở đăng kiểm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được còn lại (sau khi trừ số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ theo quy định tại khoản 1 Điều này và số tiền phí được trích để lại theo quy định tại khoản 2 Điều này) vào tài khoản chuyên thu phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí

1. Các trường hợp thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp

a) Chủ xe quy định tại điểm a, điểm b (trường hợp bị tịch thu) và điểm d (trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng) khoản 1 Điều 3 Nghị định ***này được trả lại phí đã nộp nếu đã nộp phí.***

b) Chủ xe quy định tại điểm b (trường hợp bị tạm giữ), điểm c, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này được bù trừ ***phí đã nộp*** vào số phí phải nộp của kỳ sau ***nếu đã nộp phí.***

Số phí được trả lại hoặc bù trừ là số phí mà chủ xe đã nộp cho thời gian xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Hồ sơ xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại phí hoặc bù trừ ***phí đã nộp***

a) Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với tất cả các trường hợp được trả lại hoặc bù trừ số phí đã nộp.

b) Bản chụp ***Quyết định hoặc Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe*** đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

c) Bản chụp ***Quyết định hoặc Biên bản tịch thu phương tiện*** đối với trường hợp xe ô tô bị tịch thu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

d) Bản chụp ***Quyết định hoặc Biên bản tạm giữ phương tiện và Biên bản bàn giao tài sản sau khi bị tạm giữ*** đối với trường hợp xe ô tô bị tạm giữ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

đ) ***Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định*** theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

e) Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

g) ***Giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cơ quan có thẩm quyền*** đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

h) ***Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an và Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ xe*** đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

Khi nộp hồ sơ, đối với các bản chụp quy định tại khoản này, chủ xe phải mang theo bản chính để cơ sở đăng kiểm đối chiếu. ***Trường hợp nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thì thực hiện theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch công trực tuyến.***

3. Trình tự thực hiện xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí (trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này)

a) Chủ xe nộp hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ sở đăng kiểm.

b) Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

c) Trong thời hạn **01 ngày làm việc** kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo cho chủ xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này chậm nhất là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm **ban hành** Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự thực hiện xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm. Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn. Đối với xe chưa nộp đủ phí sử dụng đường bộ tính đến thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông thì chủ xe phải nộp bổ sung.

b) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và các giấy tờ kèm theo, cơ sở đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định pháp luật và thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ, lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ cho chủ xe trong trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Khi chủ xe có nhu cầu tham gia giao thông trở lại, chủ xe đưa xe đến cơ sở đăng kiểm để thực hiện kiểm định, đồng thời nộp lại Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

5) Trình tự thực hiện xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (gọi chung là Đơn xin xác nhận) cho Sở Xây dựng **địa phương nơi quản lý phương tiện**.

Trong quá trình hoạt động nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, chủ xe làm Đơn xin xác nhận bổ sung gửi Sở Xây dựng theo thủ tục nêu trên.

b) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng trả lại Đơn xin xác nhận để chủ xe hoàn thiện.

c) Chủ xe nộp 01 bản Đơn xin xác nhận cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày được Sở Xây dựng xác nhận.

d) Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định) theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng.

đ) Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Đồng thời, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm **ban hành** Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định thì được trả lại số phí đã nộp hoặc cơ sở đăng kiểm tính và thu phí đến ngày cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định đối với trường hợp xe chưa nộp phí tính đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông.

e) Trường hợp chủ xe đề nghị cho phép lưu hành xe trên đường dành cho giao thông công cộng (từ diện không chịu phí sang chịu phí), chủ xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí để được tham gia giao thông. Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho xe ô tô kể từ ngày chủ xe đến đăng ký lưu hành trở lại, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

6. Trong trường hợp cơ sở đăng kiểm phát hiện việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ hoặc nhầm loại xe ô tô, cơ sở đăng kiểm phải liên hệ với chủ xe để thu bổ sung (nếu thu thiếu) và trả lại phí (nếu thu thừa) cho chủ xe. Cơ sở đăng kiểm và chủ xe lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí.

7. *Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ là căn cứ để cơ sở đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ vào số phí phải nộp kỳ sau.*

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

2. *Đối với các trường hợp đã nộp phí quá thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà có sự thay đổi mức thu phí theo quy định tại Nghị định này thì được áp dụng mức thu phí mới kể từ kỳ nộp phí tiếp theo.*

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí và các văn bản quy định chi tiết; Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết; các quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ, thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viển dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Căn cứ số phí sử dụng đường bộ dự kiến thu được theo năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cục Đường bộ Việt Nam xây dựng, Bộ Xây dựng lập dự toán thu phí và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện để làm cơ sở lập dự toán, tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền và triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng cơ sở đăng kiểm trên cả nước.

c) Chỉ đạo việc xây dựng, thống nhất quản lý, cấp quyền khai thác, hướng dẫn sử dụng Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ để các cơ sở đăng kiểm thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu, nộp, trả lại phí đối với các phương tiện

đến đăng kiểm (gồm: tạo biên lai thu phí; lập Quyết định trả lại/bù trừ phí; lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí; lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định); quản lý cơ sở dữ liệu về thu; cung cấp thông tin cho chủ xe, các cơ sở đăng kiểm và cơ quan chức năng về việc nộp phí và ngừng tham gia giao thông của xe.

d) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý thu, nộp, trả lại hoặc bù trừ phí, báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ; đơn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí của các cơ sở đăng kiểm trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo cơ sở đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí vào ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí đối với các cơ sở đăng kiểm theo quy định.

đ) Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ (hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ) và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy định.

e) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí sử dụng đường bộ (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ**1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)**

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	24 tháng	36 tháng
1	Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) không hoạt động kinh doanh vận tải .	130	390	780	1.560	3.000	4.320
2	Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) hoạt động kinh doanh vận tải ; xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá).	180	540	1.080	2.160	4.150	5.980
3	Xe chở người trên 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến dưới 24 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg.	270	810	1.620	3.240	6.220	8.970
4	Xe chở người từ 24 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) chỗ đến dưới 39 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg.	390	1.170	2.340	4.680	8.990	12.960
5	Xe chở người từ 39 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) trở lên; xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg.	590	1.770	3.540	7.080	13.590	19.610
6	Xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn	720	2.160	4.320	8.640	16.590	23.930

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	24 tháng	36 tháng
	bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg.						
7	Xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 27.000 kg đến dưới 40.000 kg.	1.040	3.120	6.240	12.480	23.960	34.570
8	Xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên.	1.430	4.290	8.580	17.160	32.950	47.530

Ghi chú:

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 36 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.

- Khối lượng toàn bộ là: Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.

- Chủ xe có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở đăng kiểm phù hiệu (còn hiệu lực) chứng minh là xe buýt vận tải hành khách công cộng hoặc các giấy tờ liên quan đến chứng minh là xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân và được hưởng chính sách trợ giá.

2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quốc phòng

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe con quân sự	1.000
2	Xe vận tải quân sự	1.500

3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe chuyên dùng	1.500

Phụ lục II

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 02	Biên bản thu tem và giấy chứng nhận kiểm định
Mẫu số 03	Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 04	Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 05	Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông
Mẫu số 06	Đơn xin xác nhận xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng
Mẫu số 07	Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 08	Biên bản thu Tem kiểm định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

Kính gửi:(tên cơ quan/đơn vị trả lại hoặc bù trừ phí).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

Tên chủ xe:

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân: cấp ngày:..... tại:.....

Điện thoại:

Địa chỉ:.....

II. Nội dung đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại hoặc bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí:..... (loại xe, biển số xe).....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại hoặc bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại hoặc bù trừ:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí hoặc bù trừ

2.1. Bù trừ: ☐

2.2. Trả lại tiền phí: Tiền mặt: ☐ Chuyển khoản: ☐

Chuyển tiền vào tài khoản số:tại ngân hàng:.....

(hoặc) Người nhận tiền: Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân: cấp ngày:..... tại:.....

III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản chụp)

1.....

2.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm 20...

BIÊN BẢN
Thu tem và giấy chứng nhận kiểm định

Vào hồi giờ.... ngày ... tháng ... năm 20....

Tại cơ sở đăng kiểm xe cơ giới:....., địa chỉ:.....
 điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.
2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe có biển số:

Ông/Bà:, là chủ xe/lái xe. Số điện thoại:.....;
 Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân/Giấy phép lái xe:.....
 cấp ngày....., tại:.....

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận thời điểm thu tem kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định làm cơ sở để tính trả lại phí hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ để làm cơ sở xác định thời gian xin tạm dừng tham gia giao thông, cụ thể:

Ông/Bà.....đã nộp lại tem kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định có số sê ri:..... do... (cơ sở đăng kiểm).....cấp ngày:.../.../20... có hiệu lực đến ngày .../.../20...

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu tem và giấy chứng nhận kiểm định.

CHỦ XE
 (Ký và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM
 (Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
 và đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ****CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../... /2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô;

Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ tiền phí (hoặc đơn đề nghị lưu hành trở lại) ngày .../... /20... kèm theo hồ sơ của:(Tên người nộp phí)....;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ cho... (Tên người nộp phí)...

- Tổng số tiền phí là: đồng (bằng chữ:)

- Phương tiện được trả lại hoặc bù trừ: ..(Loại xe, biển số xe hoặc danh sách phương tiện kèm theo)

- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại hoặc bù trừ phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Lý do trả lại hoặc bù trừ phí:

Hình thức trả lại hoặc bù trừ tiền: Bù trừ ☐

Trả lại: ☐

Tiền mặt ☐

Chuyển khoản: ☐

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký....(Tên người nộp phí)...., ...(bộ phận liên quan của tổ chức thu phí)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm 20...

THÔNG BÁO**Về việc không được trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ**

Cơ sở đăng kiểm nhận được Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ khoản thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô ngày ... tháng ... năm ... của ... *(Tên người nộp phí, mã số thuế)*... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../... /2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

Hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí của ...*(Tên người nộp phí)*... không thuộc đối tượng, trường hợp được trả lại hoặc bù trừ phí hoặc có số tiền phí không được trả lại hoặc bù trừ làđồng.

Lý do: ...*(nêu rõ lý do không được trả lại phí và căn cứ cụ thể)*.....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với cơ sở đăng kiểm để được giải đáp.

Số điện thoại:

Địa chỉ:/.

Nơi nhận:

- ...*(Tên người nộp phí)*...;
-;
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20...

ĐƠN XIN TẠM DỪNG THAM GIA GIAO THÔNG

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm.....

Tên chủ xe:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Tôi xin đăng ký tạm dừng tham gia giao thông đối với các xe thuộc sở hữu của tôi/chúng tôi, cụ thể như sau:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1	...	...	...	Từ ngày ... đến ngày ...
2				

Lý do tạm dừng tham gia giao thông:.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN XIN XÁC NHẬN
Xe ô tô không tham gia giao thông,
không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

Tên chủ xe:.....

Số ĐKKD: cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị của chủ xe

Đề nghị Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận xe ô tô thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chỉ sử dụng trong phạm vi:..... để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	<i>Ví dụ: Xe tải</i>	<i>14M-1234</i>	<i>Mỏ Than Mông Dương</i>
2			

2. Sở Xây dựng đã kiểm tra và xác nhận các xe ô tô nêu trên là các xe chỉ sử dụng trong phạm vi:.....; theo đúng nội dung đã kê khai. Chủ xe phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng xe.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ xe (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi cơ sở đăng kiểm làm thủ tục xác định xe thuộc đối tượng không chịu phí), 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

....., ngàytháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO SỞ
 (Ký tên, đóng dấu)

CHỦ XE
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN**Xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ**

Vào hồi giờ..... ngàytháng.....năm 20....

Tại cơ sở đăng kiểm:..... địa chỉ:..... điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo;

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe có biển số:

Ông/Bà: là chủ xe /lái xe. Số điện thoại:.....

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân/Giấy phép lái xe:.....
ngày cấp:....., tại:.....

Cùng nhau lập Biên bản này để xác định số phí phải thu bổ sung (hoặc phải hoàn trả) bởi nguyên nhân:.....

Số tiền thu bổ sung (hoặc trả lại) là:.....

Bằng chữ:.....

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu phí.

CHỦ XE
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN
Thu Tem kiểm định

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Tại cơ sở đăng kiểm:, điện thoại:.....

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

- Lãnh đạo:

- Nhân viên:

2. Đại diện cho chủ xe:

Ông/Bà:

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân:....., cấp ngày:..... tại:.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thu Tem kiểm định để làm căn cứ xét phương tiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ các phương tiện sau đây.

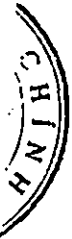
STT	Biển số đăng ký	Tem kiểm định		
		Số sê-ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu tem.

CHỦ XE Ô TÔ
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)



BÁO CÁO

**Tổng kết việc thi hành Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023
của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý
và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. Tại Điều 8 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định 05 thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến trả lại và bù trừ phí sử dụng đường bộ đã nộp: (i) Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp; (ii) Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên; (iii) Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ; (iv) Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu; (v) Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ.

Ngày 27/6/2024, Quốc hội ban hành Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, trong đó sửa đổi tên “phí sử dụng đường bộ” thành “phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô”.

Ngày 27/6/2024, Quốc hội ban hành Luật Trật tự, an toàn giao thông, đường bộ số 36/2024/QH15, trong đó sửa đổi thuật ngữ, điều kiện xe ô tô tham gia giao thông... liên quan đến đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ.

Ngày 26/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, trong đó tại điểm a khoản 1 Mục II Điều 1, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66/NQ-CP, Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ:

“a) Cắt giảm, đơn giản hoá ngay TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các TTHC, 30% chi phí tuân thủ TTHC.”

“d) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn...”

- Ngày 27/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1848/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, trong đó, tại Phần VII Phương án ban hành kèm theo Quyết định này giao Bộ Tài chính sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP theo hướng cắt giảm TTHC; lộ trình thực hiện năm 2025.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), trong đó quy định: toàn bộ các khoản phí từ hoạt động do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, đồng thời, bỏ cơ chế trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật phí và lệ phí.

Qua gần 02 năm thực hiện, Nghị định số 90/2023/NĐ-CP đã đạt được kết quả nhất định, tuy nhiên cũng phát sinh một số bất cập cần nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP và Quyết định số 1848/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đã có công văn số 6576/BTC-CST ngày 15/5/2025 gửi Bộ Xây dựng đề nghị tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP thời gian qua và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, trong đó đề xuất việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến trả lại và bù trừ phí sử dụng đường bộ đã nộp (cắt giảm TTHC, giảm thời gian giải quyết của các TTHC, chi phí tuân thủ TTHC dựa trên ứng dụng công nghệ, tái sử dụng dữ liệu và gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy) gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP cho phù hợp.

Bộ Xây dựng đã có công văn số 4315/BXD-VP ngày 31/5/2025 và công văn số 5721/BXD-VP ngày 25/6/2025 gửi Bộ Tài chính về việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, trong đó có đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về tổ chức thi hành

Chính sách thu phí sử dụng đường bộ được ban hành đã tạo khung pháp lý rõ ràng cho tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí; góp phần tạo nguồn thu cho NSNN để đầu tư duy tu, bảo trì hệ thống giao thông đường bộ; phục vụ cho hoạt động lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân; khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân.

2. Kết quả thực hiện

a) Hệ thống văn bản được ban hành kịp thời, đồng bộ

Nghị định số 90/2023/NĐ-CP được ban hành đảm bảo đồng bộ với quy định

tại Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

b) Tạo nguồn thu cho NSNN hỗ trợ hoạt động bảo trì đường bộ

(1) Theo quy định hiện hành, phí sử dụng đường bộ thuộc NSNN được quản lý, sử dụng như sau:

- Cục Đường bộ Việt Nam (thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an) được trích để lại một phần hai phần trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định; số tiền còn lại, nộp vào NSNN để sử dụng cho bảo trì đường bộ theo quy định của Luật NSNN và Luật Giao thông đường bộ.

- Đối với các đơn vị đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an) được trích để lại một phần ba mươi hai phần trăm (1,32%) số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để chi theo quy định.

- Số tiền phí còn lại nộp vào NSNN để sử dụng cho bảo trì đường bộ theo quy định của Luật NSNN và Luật Giao thông đường bộ.

(2) Tình hình thu, chi, nộp, quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ

(i) Về số thu, chi từ nguồn phí

Việc quản lý công tác thu phí tại các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới được thực hiện thông qua Chương trình Quản lý thu phí sử dụng đường bộ có kết nối với Chương trình quản lý kiểm định xe cơ giới đã đảm bảo việc thu phí nhanh chóng, thuận lợi, chính xác. Đồng thời, Cục Đăng kiểm Việt Nam duy trì việc kiểm tra đối chiếu thường xuyên nên công tác thu phí luôn đảm bảo thu đúng, thu đủ, không xảy ra hiện tượng thất thoát phí.

Ngoài ra, do số lượng phương tiện tăng trưởng hàng năm đã tạo điều kiện tăng thu cho NSNN, góp phần tạo nguồn lực để đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông đường bộ toàn quốc.

Kết quả số thu phí trong năm 2024 và 05 tháng đầu năm 2025 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Thời gian	Tổng số thu phí	Số trích để lại (1,32%)	Số nộp NSNN
1	Năm 2024	14.164,4	186,970	13.977,430
2	05 tháng đầu năm 2025	5.629,565	74,310	5.555,254

3	Ước cả năm 2025	13.510,955	178,345	13.332,610
---	-----------------	------------	---------	------------

Về chi phí: Theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP thì tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí chỉ là 1,32%. Số chi phí thấp như vậy là do tổ chức thu phí đã tận dụng được toàn bộ cơ sở vật chất sẵn có cũng như các nguồn lực của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước. Số phí được trích để lại cho các đơn vị đăng kiểm sẽ được hạch toán vào doanh thu (đối với đơn vị đăng kiểm là doanh nghiệp) hoặc được hòa vào nguồn thu của các đơn vị đăng kiểm (đối với đơn vị đăng kiểm là đơn vị hành chính có thu hoặc đơn vị sự nghiệp công lập).

(ii) Về quản lý và sử dụng phí

Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đúng quy định về thu, nộp, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả số thu phí được để lại:

- Các khoản thu phí về cơ bản đã được nộp kịp thời vào NSNN và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Phần phí để lại cho các đơn vị sử dụng được quản lý, hạch toán và quyết toán theo đúng quy định. Trong công tác dự toán thu NSNN, thường xuyên rà soát và căn cứ kết quả số thu phí hàng năm để xây dựng dự toán ngân sách, kịp thời tổng hợp và thông báo công khai trong dự toán thu chi ngân sách được giao và phân bổ cho các đơn vị để đảm bảo việc sử dụng tiền phí tiết kiệm, hiệu quả.

Cơ chế quản lý phí đảm bảo đồng bộ với các cơ chế tài chính của đơn vị thu: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí cần thiết phục vụ quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP); tạo điều kiện cho các đơn vị tăng tính tự chủ và hướng đến xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công có cung cấp dịch vụ thu phí.

(iii) Việc thu, nộp và quản lý, sử dụng phí được thực hiện công khai, minh bạch tạo điều kiện cho người nộp phí nắm vững quy định của pháp luật và tham gia vào quá trình giám sát các cơ quan thu phí bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các tuyến đường bộ được sửa chữa kịp thời các hư hỏng, bảo đảm hệ thống đường bộ thông suốt, an toàn và phát huy hiệu quả góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền.

Giao thông đường bộ được thuận tiện đã tiết kiệm chi phí xã hội rất lớn, cụ thể là nâng cao tốc độ, rút ngắn thời gian hành trình, giảm giá thành vận tải và chi phí đi lại, nâng cao chất lượng và độ tin cậy của hệ thống giao thông đường bộ, cải thiện khả năng lưu thông trong khu vực dân cư và khu vực phát triển, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, các dịch vụ xã hội, tăng khả năng an toàn, giảm bớt ách tắc và tai nạn giao thông tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương và cả nước, đảm bảo và củng cố an ninh quốc phòng giai đoạn hiện nay.

3. Về tồn tại, vướng mắc

Nghị định số 90/2023/NĐ-CP được ban hành đã đảm bảo được cơ sở pháp lý cho việc thu phí sử dụng đường bộ cho hệ thống giao thông đường bộ của cả trung ương và địa phương trên cả nước. Quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP đã giúp cho công tác quản lý thu phí sử dụng đường bộ được thuận lợi hơn do đã khắc phục được một số bất cập trong thực tiễn. Tuy nhiên, đến nay, trong quá trình thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP có phát sinh một số tình huống mới chưa được quy định trong Nghị định. Cụ thể như sau:

a) Về đối tượng không chịu phí

Trong thời gian qua, Bộ Xây dựng nhận được phản ánh của nhiều tổ chức, cá nhân liên quan đến quy định các trường hợp xe không chịu phí sử dụng đường bộ như sau: Trong thực tế xe bị hủy hoại còn có nhiều nguyên nhân khác không chỉ có lý do tai nạn hoặc thiên tai; nhiều hộ kinh doanh lớn có xe chạy trong phạm vi đất nội bộ, không tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng nhưng vẫn phải chịu phí sử dụng đường bộ.

Theo đó, để đảm bảo phù hợp với thực tiễn và công bằng cho các đối tượng cần sửa đổi quy định về đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ.

b) Về mức thu phí

Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về phân loại phương tiện đã quy định và phân loại các phương tiện giao thông đường bộ, trong đó có phân loại xe ô tô. Theo đó, cách phân loại xe ô tô tại Phụ lục 01. Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ ban hành kèm theo Nghị định chưa phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành hiện hành.

Ngoài ra, hiện nay các xe vận tải hành khách công cộng thì có xe được trợ giá và có xe không được trợ giá. Nếu ghi như hiện nay có thể hiểu là chỉ có xe được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt thì mới được áp dụng mức thu 180.000 đồng.

Theo quy định tại điểm 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thì chu kỳ kiểm định của xe ô tô là 3 tháng, 6

tháng, 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng (chu kỳ kiểm định xác định theo loại phương tiện và thời gian sản xuất).

Như vậy, cần nghiên cứu bỏ mức thu phí theo chu kỳ kiểm định 18 tháng và bổ sung mức thu phí theo chu kỳ kiểm định 36 tháng để đảm bảo phù hợp với pháp luật chuyên ngành.

c) Về cấp “Tem nộp phí sử dụng đường bộ”:

Mục đích của việc dán Tem nộp phí sử dụng đường bộ trên kính chắn gió phía trước của phương tiện là để giúp các lực lượng chức năng kiểm soát việc nộp phí sử dụng đường bộ của phương tiện khi lưu thông trên đường. Tuy nhiên, trong thực tế Nhà nước chưa có quy định cơ quan nào sẽ kiểm soát, xử phạt và cũng chưa có chế tài xử phạt đối với phương tiện chưa nộp phí sử dụng đường bộ khi tham gia giao thông.

Để kiểm soát nghĩa vụ nộp phí của chủ phương tiện, các cơ sở đăng kiểm có thể tra cứu dữ liệu trong Chương trình Quản lý thu phí sử dụng đường bộ hoặc tra cứu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Do đó việc dán Tem thu phí sử dụng đường bộ là không cần thiết. Theo đó cần nghiên cứu bỏ TTHC về việc dán Tem thu phí sử dụng đường bộ để vừa tiết kiệm chi phí hành chính, vừa phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong công tác quản lý phương tiện, thu phí và kiểm tra dữ liệu liên ngành, góp phần hiện đại hóa hệ thống thu phí sử dụng đường bộ, tăng tính minh bạch và giảm gánh nặng thủ tục cho người dân, doanh nghiệp.

d) Về quản lý và sử dụng phí

Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật NSNN, trong đó, sửa đổi quy định tại Điều 12 Luật Phí và lệ phí: Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện nộp toàn bộ vào NSNN.

Theo đó, cần thiết phải sửa quy định tỷ lệ để lại cho cơ quan nhà nước là Cục Đường bộ Việt Nam và trích chuyển cho Cục Đăng kiểm Việt Nam cho phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí và Luật NSNN.

đ) Về cắt, giảm TTHC

Tại Điều 8 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định 05 TTHC liên quan đến trả lại và bù trừ phí sử dụng đường bộ đã nộp: (i) Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp; (ii) Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên; (iii) Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ; (iv) Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu; (v) Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ.

Nhằm mục tiêu cắt giảm các TTHC không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 66/NĐ-CP và đảm bảo phù hợp với thực tiễn, cần nghiên cứu cắt, giảm một số TTHC tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP như sau:

(1) Đối với “Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên”: Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian, trình tự cho doanh nghiệp, chủ phương tiện, cần thiết phải giảm thủ tục cho các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải phải xin xác nhận của Sở Xây dựng. Chủ phương tiện chỉ cần nộp Đơn xin tạm dừng lưu hành cho đơn vị đăng kiểm và đơn vị đăng kiểm lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định ngay sau khi nhận được Đơn. Đồng thời nghiên cứu cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục xuống còn 01 ngày làm việc.

(2) Đối với “Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu”: Do các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải không còn phải làm thủ tục nộp phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải cho Sở Xây dựng, nên Sở Xây dựng không cần xác nhận và thu biển hiệu. Vậy nên khi lưu hành trở lại không cần làm đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu. Theo đó, cần thiết phải bãi bỏ “Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu” để giảm TTHC cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải.

(3) Đối với “Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem thu phí sử dụng đường bộ”: Do xe dừng tham gia giao thông khi lưu hành trở lại sẽ phải thực hiện kiểm định để được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định (chủ xe không phải làm Đơn xin cấp/cấp lại Tem kiểm định). Đồng thời, chủ xe cũng không phải đề nghị cấp/cấp lại Tem thu phí sử dụng đường bộ do đã bỏ Tem thu phí sử dụng đường bộ như đã trình bày ở trên. Theo đó, cần thiết phải bãi bỏ “Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem thu phí sử dụng đường bộ.”

e) Về trách nhiệm của các Bộ, ngành

Để đảm bảo mục tiêu kiểm soát chặt chẽ việc thu, nộp phí sử dụng đường bộ, quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong cung cấp thông tin, dữ liệu điện tử về thu phí sử dụng đường bộ, đảm bảo đúng nội dung, đúng thẩm quyền, phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tổ chức thực hiện tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP cho phù hợp với pháp luật có liên quan nêu trên, đảm bảo việc phân định đúng thẩm quyền được giao.

g) Qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về việc bù trừ hoặc trả lại tiền phí chưa đảm bảo rõ ràng, một số quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP chưa phù hợp với thực tiễn phát sinh, kết cấu các điều khoản tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP chưa phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành...

Do đó, cần nghiên cứu, rà soát lại toàn bộ Nghị định số 90/2023/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng trong quá trình thực hiện, phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật về đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và pháp luật liên quan, xử lý

những tồn tại, vướng mắc phát sinh trong thực tế thì việc sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP là cần thiết, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

1. Rà soát các quy định của Nghị định số 90/2023/NĐ-CP đảm bảo thực hiện đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng bộ với quy định của pháp luật về: phí và lệ phí, giao thông đường bộ, NSNN, quản lý thuế,... đồng thời đảm bảo đúng nội dung, đúng thẩm quyền, phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

2. Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi các quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP để giải quyết những vướng mắc, bất cập nêu trên.

Trên đây là những nội dung của Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CST (PLP) (05b). *W*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Phụ lục

1. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô (sau đây gọi là phí sử dụng đường bộ) và trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ. 2. Nghị định này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí sử dụng đường bộ và các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.	- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025. - Tại khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ năm 2024 quy định: “<i>Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.</i>”	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Phí và lệ phí; Luật Đường bộ	
Điều 2. Đối tượng chịu phí và người nộp phí 1. Xe ô tô theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được cấp chứng nhận đăng ký xe, gắn biển số xe và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Giấy chứng nhận kiểm định) theo quy định của pháp luật là đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ, trừ các đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này. Chưa thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp chứng nhận đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện	- Tại điểm a khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định: “<i>a) Xe ô tô gồm: xe có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray, dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc hoặc được kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được nối với đường dây dẫn điện; xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn 400 kg; xe ô tô không bao gồm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng</i>	Đối tượng chịu phí và người nộp phí của dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông, đường bộ.	

xe ô tô hoặc tổ chức, cá nhân khác được chủ sở hữu chuyển giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện xe ô tô (sau đây gọi chung là chủ xe) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ, trừ các trường hợp miễn phí theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

bốn bánh có gắn động cơ”.

- Tại khoản 1 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông, đường bộ năm 2024 thì xe ô tô tham gia giao thông đường bộ phải đáp ứng các điều kiện sau đây: “a) *Được cấp chứng nhận đăng ký xe và gắn biển số xe theo quy định của pháp luật;*

b) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.”

- Tại Điều 6 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định:

“Điều 6. Người nộp phí, lệ phí

Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật này.”

- Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ quy định: “*Chủ phương tiện là chủ sở hữu phương tiện hoặc cá nhân, tổ chức khác được chủ sở hữu phương tiện chuyển giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện thuộc đối tượng phải thu các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện. Chủ phương tiện đồng thời là chủ tài khoản giao thông, chủ phương tiện thanh toán được quy định tại Nghị định*

	này.” - Tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (GTVT) quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy quy định: “Điều 7. Hồ sơ đề nghị kiểm định lần đầu ... 2. Giấy tờ phải xuất trình a) Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe”.		
Điều 3. Đối tượng không chịu phí 1. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau: a) Xe bị hư hỏng không sử dụng được; xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu	- Tại khoản 5 Điều 9 Luật Đường bộ năm 2024 quy định: “Đường dành cho giao thông công cộng là đường phục vụ cho tất cả mọi người, phương tiện giao thông đường bộ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên	Đối tượng không chịu phí của dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với quy định	

hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Xe bị tịch thu, tạm giữ.

c) Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; xe hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

d) Xe của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) hoặc xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng.

Xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại khoản này là xe chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học.

quan.”

- Tại điểm a, điểm d và điểm đ khoản 6 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định:

“6. Các trường hợp thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng bao gồm:

a) Chuyển quyền sở hữu xe; trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá thì chỉ thu hồi chứng nhận đăng ký xe.

d) Xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, hư hỏng không sử dụng được;

đ) Xe bị thái độ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.”

- Tại khoản 7 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định xe ô tô hư hỏng không sử dụng được thuộc trường hợp thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 36 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định:

“Điều 36. Biển số xe

của Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông, đường bộ.

đ) Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên. e) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó được công an tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe. 2. Chủ xe có xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này đã nộp phí thì được trả lại hoặc bù trừ với số phí phải nộp của kỳ sau. Hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu phí thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. 3. Không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.	... 2. <i>Biển số xe được phân loại như sau:</i> ... c) <i>Biển số xe nền màu vàng, chữ và số màu đen cấp cho xe hoạt động kinh doanh vận tải”.</i>		
Điều 4. Các trường hợp miễn phí Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các loại xe ô tô sau: 1. Xe cứu thương. 2. Xe chữa cháy. 3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm: a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác). b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có chứng nhận đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ). Đơn vị phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi cơ sở đăng kiểm khi kiểm định xe	- Tại khoản 3 Điều 10 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015: <i>Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.</i> - Tại khoản 1 Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định: “Điều 27. Xe ưu tiên 1. <i>Xe ưu tiên gồm xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy; xe của lực lượng quân sự, công an và kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê đi làm nhiệm vụ; xe</i>	Các trường hợp miễn phí quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	

(trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại). 4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (bao gồm: xe xi téc, xe cần cầu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng). 5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm: a) Xe cảnh sát giao thông có in dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” ở hai bên thân xe; b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe; c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe; d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an nhân dân làm nhiệm vụ; đ) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe chuyên dùng khác của Bộ Công an. e) Xe đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe đặc chủng khác của Bộ Công an).	<i>đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật; đoàn xe tang”.</i> - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025. - Tại Điều 6, Điều 14 Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993 quy định cơ quan đại diện ngoại giao được miễn thuế và phí/lệ phí đối với trụ sở của cơ quan, trừ các khoản phải trả về dịch vụ cụ thể; viên chức ngoại giao được miễn thuế và phí/lệ phí, trừ các khoản phí, lệ phí đánh vào dịch vụ được cung cấp. Tại khoản 1 Điều 3 Luật Phí và lệ phí quy định: “<i>Phí là khoản tiền phải trả khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công.</i>”		
Điều 5. Tổ chức thu phí 1. Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc	- Tại Điều 7 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định:	Tổ chức thu phí quy định tại dự thảo Nghị định	

phòng, công an nhân dân. 2. Các cơ sở đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 1 Điều này). Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp số phí thu của các cơ sở đăng kiểm, kê khai, nộp phí theo quy định.	Điều 7. Tổ chức thu phí, lệ phí <i>Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật này”.</i> - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025. - Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới quy định: “<i>Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật, bao gồm: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</i>”	đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 166/2024/NĐ-CP.
Điều 6. Mức thu phí Mức thu phí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.	- Tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định: “Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí <i>Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng</i>	Mức thu phí quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất với quy định của Luật phí và lệ phí, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm

	về quyền và nghĩa vụ của công dân”. - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024. - Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về phân loại phương tiện. - Tại điểm 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thì chu kỳ kiểm định của xe ô tô là 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng (chu kỳ kiểm định xác định theo loại phương tiện và thời gian sản xuất).	2024, Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT và Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT.	
Điều 7. Tính, khai, thu và nộp phí 1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 2 Điều này). a) Đối với xe ô tô kiểm định lần đầu hoặc được miễn kiểm định lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ là từ ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. Đối với xe ô tô cải tạo, thời điểm tính mức phí thay đổi (nếu có) là từ ngày xe được cấp Chứng nhận cải tạo. Đối với xe ô tô chở người đến 8 chỗ (không	- Tại khoản 2 Điều 11 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định: “2. <i>Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh</i>”. - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019. - Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và	Phương thức tính, nộp phí tại dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	

kể chỗ của người lái xe) khi chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại), thời điểm tính mức phí thay đổi là từ ngày cấp Chứng nhận đăng ký mới của xe ô tô.

b) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định từ 01 năm trở xuống, chủ xe thực hiện nộp phí cho cả chu kỳ kiểm định theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí (chu kỳ kiểm định), chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho chu kỳ kiểm định tiếp theo.

c) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định trên 01 năm (24 tháng và 36 tháng), chủ xe thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ kiểm định (24 tháng và 36 tháng) theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí (theo năm hoặc chu kỳ kiểm định), chủ xe phải đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho thời gian tiếp theo.

d) Trường hợp chủ xe đến kiểm định xe ô tô trước hoặc sau thời gian theo chu kỳ kiểm định quy định, cơ sở đăng kiểm kiểm tra xe và tính số tiền phí nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ xe có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ kiểm định). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp được tính bằng số ngày lẻ chia 30 ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

đ) Trường hợp chủ xe chưa nộp phí của các chu kỳ kiểm định trước theo thời hạn quy định thì ngoài

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí quy định: “1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định cụ thể kỳ kê khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp”.

- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ xe còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Cơ sở đăng kiểm tính và thực hiện truy thu số phí phải nộp của chu kỳ trước (số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân với thời gian chưa nộp phí).

e) Trường hợp chủ xe đề nghị nộp phí cho thời gian dài hơn chu kỳ kiểm định, cơ sở đăng kiểm tính và thực hiện thu phí theo yêu cầu của chủ xe.

g) Đối với xe ô tô được thanh lý, phát mại (có nguồn gốc từ xe ô tô bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe ô tô của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (mang biển kiểm soát màu xanh); xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an, trừ xe ô tô mang biển số xe có seri “KT”; xe ô tô thế chấp bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi) thì chủ xe mới (sau khi xe đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô theo chủ mới) chỉ phải nộp phí từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành. Khi kiểm định lưu hành, chủ xe phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Văn bản thông báo thu hồi, biên bản bàn giao tài sản thế chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe ô tô được thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm chủ xe mới đi kiểm định lại để lưu hành thì chủ xe mới nộp phí tính từ thời điểm nộp

tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

h) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm xe ô tô) đến cơ sở đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các xe ô tô của mình. Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo.

i) Khi chuyển quyền sở hữu xe ô tô, chủ xe cũ và chủ xe mới tự thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ theo quy định pháp luật dân sự. Trường hợp chủ xe cũ và chủ xe mới không thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ, chủ xe mới được kế thừa toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ đối với nhà nước về phí đối với xe ô tô nhận chuyển nhượng.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm theo mức thu phí quy định tại điểm 2 và điểm 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an sau khi thanh lý thì mức thu phí theo quy định tại điểm 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này kể từ khi xe được cấp biển số mới.

3. Người nộp phí thực hiện nộp phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí; hoặc nộp phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản của tổ chức thu phí.

b) Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức

thu phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Cơ quan, tổ chức thu phí có trách nhiệm chuyển toàn bộ tiền phí thu được vào tài khoản của tổ chức thu phí trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí. 4. Tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định tại pháp luật về quản lý thuế. 5. Khai, nộp và quyết toán phí của Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đăng kiểm Việt Nam. a) Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện khai, nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định. b) Chậm nhất ngày 20 hàng tháng, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện khai phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp toàn bộ số tiền phí thu được bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào ngân sách trung ương. c) Hàng năm, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán số phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.			
Điều 8. Quản lý và sử dụng phí 1. Cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe nộp hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí thực hiện trả lại hoặc bù trừ số tiền phí sử dụng đường bộ đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này	- Tại Điều 11 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định: <i>“1. Phí, lệ phí theo quy định tại Luật này là khoản thu thuộc NSNN, không chịu thuế...”</i>	Quy định về quản lý và sử dụng phí tại dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp pháp, tính	

(nếu có). 2. Cơ sở đăng kiểm được trích để lại một phần hai mươi tám phần trăm (1,28%) số tiền phí thu được (sau khi trả lại hoặc bù trừ số tiền phí theo quy định tại khoản 1 Điều này) để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định. a) Trường hợp cơ sở đăng kiểm áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của cơ sở đăng kiểm. Cơ sở đăng kiểm thực hiện khai, nộp thuế theo quy định pháp luật về thuế. b) Trường hợp cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở đăng kiểm quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí. 3. Cơ sở đăng kiểm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được còn lại (sau khi trừ số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ theo quy định tại khoản 1 Điều này và số tiền phí được trích để lại theo quy định tại khoản 2 Điều này) vào tài khoản chuyên thu phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí. Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau.	5. Chính phủ quy định chi tiết điều này”. - Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí quy định: “3. <i>Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí</i>”. - Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực của Kho bạc Nhà nước. - Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng. - Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, trong đó quy định: toàn bộ các khoản phí từ hoạt động do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung Luật phí và lệ phí như sau: Khoản 1 Điều 12 bỏ cụm từ: “<i>trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn</i>	thống nhất với quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế và các văn bản có liên quan.
--	---	--

lại nộp ngân sách nhà nước”.

- Tại khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước: “*Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện...*”

- Tại khoản 1 Điều 42 Luật Đường bộ năm 2024 quy định: “*Nguồn tài chính để đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư,...*”

Điều 9. Trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí

1. Các trường hợp thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp

a) Chủ xe quy định tại điểm a, điểm b (trường hợp bị tịch thu) và điểm d (trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công

- Tại khoản 1 Điều 3 Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015: “*1. Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này*”.

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP

Theo quy định của Luật Phí và lệ phí tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ phải nộp phí, trường hợp không được cung cấp dịch vụ thì không phải nộp phí. Vì vậy, quy

cộng) khoản 1 Điều 3 Nghị định này được trả lại phí đã nộp nếu đã nộp phí.

b) Chủ xe quy định tại điểm b (trường hợp bị tạm giữ), điểm c, điểm d, điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này được bù trừ phí đã nộp vào số phí phải nộp của kỳ sau nếu đã nộp phí.

Số phí được trả lại hoặc bù trừ là số phí mà chủ xe đã nộp cho thời gian xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Hồ sơ xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại phí hoặc bù trừ phí đã nộp

a) Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với tất cả các trường hợp được trả lại hoặc bù trừ số phí đã nộp.

b) Bản chụp Quyết định hoặc Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

c) Bản chụp Quyết định hoặc Biên bản tịch thu phương tiện đối với trường hợp xe ô tô bị tịch thu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

d) Bản chụp Quyết định hoặc Biên bản tạm giữ phương tiện và Biên bản bàn giao tài sản sau khi bị tạm giữ đối với trường hợp xe ô tô bị tạm giữ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

- Tại Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định:

“Điều 9. Chuẩn bị và nộp hồ sơ điện tử thực hiện thủ tục hành chính

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn;

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân;

c) Ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Việc yêu cầu ký số được công khai trước khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điện tử. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ....”

định về trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp phù hợp với quy định của pháp luật phí và lệ phí.

đ) Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

e) Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

g) Giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

h) Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an và Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ xe đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

Khi nộp hồ sơ, đối với các bản chụp quy định tại khoản này, chủ xe ô tô phải mang theo bản chính để cơ sở đăng kiểm đối chiếu. Trường hợp nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thì thực hiện theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch công trực tuyến.

3. Trình tự thực hiện xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí (trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này)

a) Chủ xe nộp hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ

phí quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ sở đăng kiểm.

b) Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo cho chủ xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này chậm nhất là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự thực hiện xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm. Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc

bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn. Đối với xe chưa nộp đủ phí sử dụng đường bộ tính đến thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông thì chủ xe phải nộp bổ sung.

b) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và các giấy tờ kèm theo, cơ sở đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định pháp luật và thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ, lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ cho chủ xe trong trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Khi chủ xe có nhu cầu tham gia giao thông trở lại, chủ xe đưa xe đến cơ sở đăng kiểm để thực hiện kiểm định, đồng thời nộp lại Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

5) Trình tự thực hiện xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho

giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (gọi chung là Đơn xin xác nhận) cho Sở Xây dựng địa phương nơi quản lý phương tiện.

Trong quá trình hoạt động nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, chủ xe làm Đơn xin xác nhận bổ sung gửi Sở Xây dựng theo thủ tục nêu trên.

b) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng trả lại Đơn xin xác nhận để chủ xe hoàn thiện.

c) Chủ xe nộp 01 bản Đơn xin xác nhận cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày được Sở Xây dựng xác nhận.

d) Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định) theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi

trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng.

d) Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Đồng thời, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định thì được trả lại số phí đã nộp hoặc cơ sở đăng kiểm tính và thu phí đến ngày cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định đối với trường hợp xe chưa nộp phí tính đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông.

e) Trường hợp chủ xe đề nghị cho phép lưu hành xe trên đường dành cho giao thông công cộng (từ diện không chịu phí sang chịu phí), chủ xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí để được tham gia giao thông. Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho xe ô tô kể từ ngày chủ xe đến đăng ký lưu hành trở lại, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

6. Trong trường hợp cơ sở đăng kiểm phát hiện việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ hoặc nhầm loại xe ô tô, cơ sở đăng kiểm phải liên hệ với chủ xe để thu bổ sung (nếu thu thiếu) và trả lại phí (nếu thu thừa) cho chủ xe ô tô. Cơ sở đăng kiểm và chủ xe lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí. 7. Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ là căn cứ để cơ sở đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ vào số phí phải nộp kỳ sau.			
Điều 10. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. 2. Đối với các trường hợp đã nộp phí qua thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà có sự thay đổi mức thu phí theo quy định tại Nghị định này thì được áp dụng mức thu phí mới kể từ kỳ nộp phí tiếp theo. 3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí và các văn bản quy định chi tiết; Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết; các quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ, thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực	- Luật Phí và lệ phí; - Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP; - Luật Quản lý thuế; - Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; - Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày	Quy định về hiệu lực thi hành phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, các quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ, thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	

Kho bạc Nhà nước. 4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; - Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.		
Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm: a) Căn cứ số phí sử dụng đường bộ dự kiến thu được theo năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cục Đường bộ Việt Nam xây dựng, Bộ Xây dựng lập dự toán thu phí và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. b) Chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện để làm cơ sở lập dự toán, tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền và	- Tại Điều 14 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí: 3. Thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí, lệ phí; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật. - Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. - Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành	Quy định về tổ chức thực hiện phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản chuyên ngành.	

triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng cơ sở đăng kiểm trên cả nước. c) Chỉ đạo việc xây dựng, thống nhất quản lý, cấp quyền khai thác, hướng dẫn sử dụng Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ để các cơ sở đăng kiểm thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu, nộp, trả lại phí đối với các phương tiện đến đăng kiểm (gồm: tạo biên lai thu phí; lập Quyết định trả lại/bù trừ phí; lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí; lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định); quản lý cơ sở dữ liệu về thu; cung cấp thông tin cho chủ xe, các cơ sở đăng kiểm và cơ quan chức năng về việc nộp phí và ngừng tham gia giao thông của xe. d) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý thu, nộp, trả lại hoặc bù trừ phí, báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí của các cơ sở đăng kiểm trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo cơ sở đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí vào ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí đối với các cơ sở đăng kiểm theo quy định. đ) Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Công dịch vụ công Quốc gia hoặc Công dịch vụ công cấp bộ (hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ) và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy	một số điều của Luật Phí và lệ phí. - Nghị định 166/2024/NĐ-CP 26/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.		
--	---	--	--

định. e) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí sử dụng đường bộ (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ. 2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.			
--	--	--	--

2. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 4. Các trường hợp miễn phí Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các loại xe ô tô sau: 1. Xe cứu thương. 2. Xe chữa cháy. 3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm: a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác). b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có chứng nhận đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ). Đơn vị phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi cơ sở đăng kiểm khi kiểm định xe	- Tại Điều 34 Công ước Viên về Quan hệ Ngoại giao năm 1961 quy định: <i>“Viên chức ngoại giao được miễn mọi thứ thuế và lệ phí của Nhà nước, khu vực hay thành phố đánh vào người hoặc hiện vật, trừ:</i> a) <i>Thuế gián thu, là thuế thông thường vẫn được tính gộp vào giá hàng hoá hoặc công dịch vụ;</i> b) <i>Thuế và lệ phí đối với bất động sản tư nhân nằm trên lãnh thổ Nước tiếp nhận, nếu viên chức ngoại giao không sở hữu bất động sản đó trên danh nghĩa Nước cử đi để phục vụ cho cơ quan đại diện.</i> c) <i>Thuế và lệ phí thừa kế do Nước tiếp nhận thu, trừ những quy định nêu ở Đoạn 4 của Điều 39.</i>	Phí sử dụng đường bộ là loại phí thu qua đầu xe ô tô tham gia đường giao thông công cộng (sử dụng dịch vụ) do đó tương thích với Công ước Viên về Quan hệ Ngoại giao năm 1961 và Công ước Viên về Quan hệ Lãnh sự.	

(trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại).

4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dùng cho quốc phòng (bao gồm: xe xi téc, xe cần cẩu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng).

5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:

a) Xe cảnh sát giao thông có in dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” ở hai bên thân xe;

b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe;

c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe;

d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an nhân dân làm nhiệm vụ;

đ) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe chuyên dùng khác của Bộ Công an.

e) Xe đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe đặc chủng khác của Bộ Công an).

d) Thuế và lệ phí đánh vào các khoản thu nhập tư nhân có nguồn gốc ở Nước tiếp nhận và thuế đánh vào vốn đầu tư các cơ sở thương mại đóng tại Nước tiếp nhận.

e) Thuế và lệ phí thu về việc trả công các dịch vụ cụ thể;

f) Các lệ phí trước bạ, chứng thư, toà án, cầm cố và cước tem về bất động sản, trừ các quy định nêu ở Điều 23.”

- Tại khoản 1 Điều 49 Công ước Viên về Quan hệ Lãnh sự quy định: “Miễn thuế

1. Các viên chức lãnh sự, nhân viên lãnh sự và các thành viên gia đình họ cùng sống trong một hộ được **miễn mọi thứ thuế và lệ phí về nhân thân hay tài sản** do nhà nước, địa phương hoặc thành phố thu, trừ:

a) Thuế gián thu thuộc loại thường được gộp vào giá hàng hoá hay dịch vụ;

b) Thuế và lệ phí đánh vào bất động sản của tư nhân trên lãnh thổ Nước tiếp nhận, trừ những quy định ở Điều 32;

c) Thuế do Nước tiếp nhận đánh vào tài sản thừa kế, việc thừa kế và việc chuyển nhượng tài sản, trừ các quy định ở khoản (b) Điều 51;

d) Thuế và lệ phí đánh vào thu nhập cá nhân, bao gồm thu nhập từ vốn đầu tư có nguồn gốc ở Nước tiếp nhận và thuế đánh vào khoản vốn đầu tư trong những

hoạt động thương mại hoặc tài chính ở
Nước tiếp nhận;

e) Khoản thu đối với những dịch vụ
riêng biệt;

f) Lệ phí đăng ký, lệ phí toà án hoặc
hồ sơ, lệ phí thể chấp và tiền tem trừ
những quy định của Điều 32.”

- Tại khoản 1 Điều 3 Luật Phí và lệ
phí quy định: “Phí là khoản tiền phải trả
khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự
nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan
nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp
dịch vụ công.”



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
THU QUA ĐÀU PHƯƠNG TIỆN ĐỐI VỚI XE Ô TÔ VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

NGHỊ ĐỊNH SỐ 90/2023/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) và thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô (sau đây gọi là phí sử dụng đường bộ) và trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ. 2. Nghị định này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí sử dụng đường bộ và các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.	- Sửa đổi, bổ sung tên phí để phù hợp với tên khoản phí tại Luật Phí và lệ phí được sửa đổi bởi Luật Đường bộ năm 2024. - Bổ sung đối tượng áp dụng để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Ban hành VBQPPL.
Điều 2. Đối tượng chịu phí 1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe), kiểm định để lưu hành (được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường), bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là ô tô). 2. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau:	Điều 2. Đối tượng chịu phí và người nộp phí 1. Xe ô tô theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được cấp chứng nhận đăng ký xe, gắn biển số xe và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Giấy chứng nhận kiểm định) theo quy định của pháp luật là đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ, trừ các đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này. Chưa thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô mang	- Cập nhật lại các khái niệm về phương tiện xe cơ giới được chứng nhận đăng ký, đăng kiểm và điều kiện xe ô tô tham gia giao thông đường bộ để đảm bảo quy định thống nhất với Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

a) Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai. b) Bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. c) Bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên. d) Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên. đ) Xe của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Giao thông vận tải) hoặc xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Giao thông vận tải) chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông, chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng). e) Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên. g) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên. 3. Các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này không chịu phí sử dụng đường bộ nếu có đủ hồ sơ đáp ứng các quy định tại Điều 8 Nghị định này. Trường hợp xe ô tô đã	biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp chứng nhận đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện xe ô tô hoặc tổ chức, cá nhân khác được chủ sở hữu chuyển giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện xe ô tô (sau đây gọi chung là chủ xe) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ, trừ các trường hợp miễn phí theo quy định tại Điều 4 Nghị định này. Điều 3. Đối tượng không chịu phí 1. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau: a) Bị hư hỏng không sử dụng được; bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. b) Bị tịch thu, tạm giữ. c) Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; xe hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. d) Xe của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) hoặc xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho	- Bổ sung quy định về đối tượng chịu phí để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi, bổ sung quy định về người nộp phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 90 thành khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định). Bổ sung một số trường hợp xe ô tô không chịu phí, ngoài ra sửa đổi một số cụm từ để phù hợp với thực tế, Luật Đường bộ năm 2024 và Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024.
--	--	---

được nộp phí sử dụng đường bộ, chủ phương tiện sẽ được trả lại số phí đã nộp hoặc được trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau tương ứng với thời gian không sử dụng đường bộ theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Không áp dụng khoản 2 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

5. Chưa thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật.

giao thông công cộng (đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng.

Xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại khoản này là xe chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học.

d) Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.

e) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó được công an tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe.

2. Chủ xe có xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này đã nộp phí thì được trả lại hoặc bù trừ với số phí phải nộp của kỳ sau. Hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu phí thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

Điều 3. Các trường hợp miễn phí

Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các loại xe ô tô sau:

1. Xe cứu thương.
2. Xe chữa cháy.

Điều 4. Các trường hợp miễn phí

Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các loại xe ô tô sau:

1. Xe cứu thương.
2. Xe chữa cháy.

Quy định rõ về việc miễn phí đối với xe chuyên dùng phục vụ tang lễ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ.

3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm: a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác). b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ. Đơn vị phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi đơn vị đăng kiểm khi kiểm định xe (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại). 4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (bao gồm: xe xi téc, xe cần cầu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng). 5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của lực lượng công an nhân dân bao gồm: a) Xe cảnh sát giao thông có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” ở hai bên thân xe. b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe. c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe. d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an nhân dân làm nhiệm vụ. đ) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe	3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm: a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác); b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có chứng nhận đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ). Đơn vị phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi cơ sở đăng kiểm khi kiểm định xe (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại). 4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (bao gồm: xe xi téc, xe cần cầu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng). 5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm: a) Xe cảnh sát giao thông có in dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” ở hai bên thân xe; b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe; c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe; d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an làm nhiệm vụ;	
---	--	--

chuyên dùng khác của lực lượng công an nhân dân. e) Xe đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe đặc chủng khác của lực lượng công an nhân dân).	d) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe chuyên dùng khác của Bộ Công an. e) Xe đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe đặc chủng khác của Bộ Công an).	
Điều 4. Người nộp phí và tổ chức thu phí 1. Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại Điều 2 Nghị định này là người nộp phí sử dụng đường bộ. 2. Tổ chức thu phí bao gồm: a) Cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an. b) Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại điểm a khoản này). Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp số phí thu của các đơn vị đăng kiểm, kê khai, nộp phí theo quy định.	Điều 5. Tổ chức thu phí 1. Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an. 2. Các cơ sở đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 1 Điều này). Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp số phí thu của các cơ sở đăng kiểm, kê khai, nộp phí theo quy định.	Sửa một số cụm từ để thống nhất với quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng chịu phí tại dự thảo Nghị định Bổ sung quy định Cục Đường bộ Việt Nam là đơn vị tổ chức thu phí thay vì là đơn vị thu phí nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Như vậy, Cục Đường bộ Việt Nam có thể trực tiếp thu phí hoặc giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc.
Điều 5. Mức thu phí Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.	Điều 6. Mức thu phí Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.	Thay đổi nội dung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định.
Điều 6. Phương thức tính, nộp phí	Điều 7. Tính, khai, thu và nộp phí	- Bỏ “Tem nộp phí sử

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 2 Điều này).

Đối với xe ô tô kiểm định lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ tính từ ngày phương tiện được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. Đối với xe ô tô cải tạo, chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại) thì mức thu phí tính từ ngày chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký mới của xe ô tô.

Phí sử dụng đường bộ tính theo năm, tháng hoặc theo chu kỳ kiểm định của xe ô tô. Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí. Cụ thể như sau:

a) Tính, nộp phí theo chu kỳ kiểm định

a.1) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định từ 01 năm trở xuống: Chủ phương tiện thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ cho cả chu kỳ kiểm định và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

a.2) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định trên 01 năm (18 tháng, 24 tháng và 36 tháng): Chủ phương tiện phải nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ kiểm định (18 tháng, 24 tháng và 36 tháng).

Trường hợp nộp phí theo chu kỳ kiểm định (18 tháng, 24 tháng và 36 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với chu kỳ kiểm định. Hết thời hạn nộp phí (chu kỳ kiểm định), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho chu kỳ kiểm định tiếp theo.

Trường hợp nộp phí theo năm (12 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 2 Điều này).

a) Đối với xe ô tô kiểm định lần đầu hoặc được miễn kiểm định lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ là từ ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. Đối với xe ô tô cải tạo, thời điểm tính mức phí thay đổi (nếu có) là từ ngày xe được cấp Chứng nhận cải tạo. Đối với xe ô tô chờ người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) khi chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại), thời điểm tính mức phí thay đổi là từ ngày cấp Chứng nhận đăng ký mới của xe ô tô.

b) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định từ 01 năm trở xuống, chủ xe thực hiện nộp phí cho cả chu kỳ kiểm định theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí (chu kỳ kiểm định), chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho chu kỳ kiểm định tiếp theo.

c) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định trên 01 năm (24 tháng và 36 tháng), chủ xe thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ kiểm định (24 tháng và 36 tháng) theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí (theo năm hoặc chu kỳ kiểm định), chủ xe phải đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho thời gian tiếp theo.

d) Trường hợp chủ xe đến kiểm định xe ô tô trước hoặc sau thời gian theo chu kỳ kiểm định quy định, cơ sở đăng kiểm kiểm tra xe và tính số tiền phí nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ xe có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ kiểm định). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp được tính bằng số ngày lẻ chia 30

dùng đường bộ”, đồng thời, bỏ tất cả các nội dung liên quan đến việc cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ quy định trong Nghị định.

- Sửa đổi tên gọi các giấy tờ chủ phương tiện phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm để phù hợp với Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và phù hợp với thực tế.

- Quy định rõ trường hợp xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng khi thanh lý thành xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng trừ xe ô tô mang biển số xe có seri “KT”.

- Làm rõ thời điểm tính phí, thời điểm thay đổi mức thu phí đối với các trường hợp xe cải tạo, xe kiểm định lần đầu hoặc được miễn kiểm định lần đầu.

- Bỏ hình thức nộp phí theo tháng để giảm khối

gian nộp phí 12 tháng. Hết thời hạn nộp phí (12 tháng), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ của thời gian tiếp theo (12 tháng hoặc thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm).

a.3) Trường hợp chủ phương tiện đến kiểm định sớm hơn hoặc chậm hơn thời gian theo chu kỳ kiểm định quy định, đơn vị đăng kiểm kiểm tra xe và tính tiền phí sử dụng đường bộ nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí sử dụng đường bộ lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ phương tiện có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ kiểm định). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp sẽ tính bằng số ngày lẻ chia 30 ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

a.4) Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí sử dụng đường bộ của các chu kỳ kiểm định trước theo thời hạn quy định thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ phương tiện còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Đơn vị đăng kiểm sẽ truy thu số phí phải nộp của chu kỳ trước, số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân với thời gian nộp chậm.

a.5) Trường hợp chủ phương tiện muốn nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian dài hơn chu kỳ kiểm định, đơn vị đăng kiểm thu phí và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

a.6) Đối với xe ô tô bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe ô tô của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (mang biển kiểm soát màu xanh); xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an thanh lý; xe ô tô thể chấp bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi mà trong thời gian bị tịch thu, thu hồi, chờ thanh lý không kiểm định để lưu hành sau đó được bán phát mại, thanh lý thì chủ mới của phương tiện chỉ phải nộp

ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

đ) Trường hợp chủ xe chưa nộp phí của các chu kỳ kiểm định trước theo thời hạn quy định thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ xe còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Cơ sở đăng kiểm tính và thực hiện truy thu số phí phải nộp của chu kỳ trước (số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân với thời gian chưa nộp phí).

e) Trường hợp chủ xe đề nghị nộp phí cho thời gian dài hơn chu kỳ kiểm định, cơ sở đăng kiểm tính và thực hiện thu phí theo yêu cầu của chủ xe.

g) Đối với xe ô tô được thanh lý, phát mại (có nguồn gốc từ xe ô tô bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe ô tô của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (mang biển kiểm soát màu xanh); xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an, trừ xe ô tô mang biển số xe có seri "KT"; xe ô tô thể chấp bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi) thì chủ xe mới (sau khi xe đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô theo chủ mới) chỉ phải nộp phí từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành. Khi kiểm định lưu hành, chủ xe phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Văn bản thông báo thu hồi, biên bản bàn giao tài sản thể chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe ô tô được thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm chủ xe mới đi kiểm định lại để lưu hành thì chủ xe mới nộp phí tính từ thời điểm nối tiếp theo kỳ hạn đã

lượng công việc cho các cơ sở đăng kiểm.

- Bổ sung điều khoản quy định quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ đối với chủ xe cũ và chủ xe mới khi chuyển quyền sở hữu xe ô tô.

- Bổ sung quy định về hình thức nộp phí của người nộp phí để thuận tiện trong quá trình thực hiện.

- Kết cấu lại nội dung tính, khai, thu, nộp phí để đảm bảo rõ ràng trong quá trình thực hiện.

phí sử dụng đường bộ từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành. Khi kiểm định lưu hành, chủ phương tiện phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; quyết định thu hồi tài sản thế chấp; quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe bán thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm đi kiểm định lại để lưu hành thì chủ phương tiện nộp phí tính từ thời điểm nối tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

b) Nộp phí theo năm dương lịch

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí sử dụng đường bộ theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) đến đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ theo năm dương lịch đối với các phương tiện của mình.

Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo. Khi thu phí, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho từng xe tương ứng thời gian nộp phí.

c) Nộp phí theo tháng

Doanh nghiệp có số phí sử dụng đường bộ phải nộp từ 30 triệu đồng/tháng trở lên được thực hiện nộp phí theo tháng. Doanh nghiệp có văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) gửi đơn vị đăng kiểm và thực hiện

nộp phí của chu kỳ trước.

h) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm xe ô tô) đến cơ sở đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các xe ô tô của mình. Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo.

i) Khi chuyển quyền sở hữu xe ô tô, chủ xe cũ và chủ xe mới tự thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ theo quy định pháp luật dân sự. Trường hợp chủ xe cũ và chủ xe mới không thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ, chủ xe mới được kế thừa toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ đối với nhà nước về phí đối với xe ô tô nhận chuyển nhượng.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm theo mức thu phí quy định tại điểm 2 và điểm 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an sau khi thanh lý thì mức thu phí theo quy định tại điểm 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này kể từ khi xe được cấp biển số mới.

3. Người nộp phí thực hiện nộp phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí; hoặc nộp phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản của tổ chức thu phí.

b) Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính,

nộp phí đối với các phương tiện của mình. Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp phải đến đơn vị đăng kiểm (đã đăng ký nộp phí theo tháng) nộp phí sử dụng đường bộ cho tháng tiếp theo. Khi thu phí, tổ chức thu phí cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng thời gian nộp phí. 2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm, theo mức thu quy định tại điểm 2, điểm 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Khi thu phí sử dụng đường bộ, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Tài chính.	cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Cơ quan, tổ chức thu phí có trách nhiệm chuyển toàn bộ tiền phí thu được vào tài khoản của tổ chức thu phí trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí. 4. Tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định tại pháp luật về quản lý thuế. 5. Khai, nộp và quyết toán phí của Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đăng kiểm Việt Nam. a) Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện khai, nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định. b) Chậm nhất ngày 20 hàng tháng, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện khai phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp toàn bộ số tiền phí thu được bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào ngân sách trung ương. c) Hàng năm, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán số phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.	
Điều 7. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí sử dụng đường bộ là Cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định. Trường hợp tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3	Điều 8. Quản lý và sử dụng phí 1. Cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe nộp hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí thực hiện trả lại hoặc bù trừ số tiền phí sử dụng đường bộ đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này (nếu có). 2. Cơ sở đăng kiểm được trích để lại một phần hai mươi tám phần trăm (1,28%) số tiền phí thu được (sau khi trả lại hoặc bù trừ số tiền phí theo quy định tại khoản 1 Điều	- Quy định để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 theo hướng khoản phí từ hoạt động do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước. - Đảm bảo việc trích để lại cho đơn vị đăng kiểm trên

Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được trích để lại một phần hai phần trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định. Số tiền còn lại, tổ chức thu phí phải nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

2. Đối với các đơn vị đăng kiểm thực hiện thu phí

a) Đơn vị thu phí sử dụng đường bộ được trích để lại một phần ba mươi hai phần trăm (1,32%) số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để chi cho các nội dung sau:

Trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

Trích chuyển về Cục Đăng kiểm Việt Nam ba phần trăm (3%) số tiền được để lại (1,32%) để phục vụ công tác quản lý thu, nộp phí sử dụng đường bộ của hệ thống đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc.

b) Trả lại tiền phí sử dụng đường bộ đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

c) Số tiền còn lại (sau khi trừ số tiền quy định tại điểm a và điểm b khoản này), tổ chức thu phí sử dụng đường bộ chuyển về tài khoản chuyên thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí. Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thu phí chuyển về tài khoản chuyên thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Tiền lãi phát sinh trên số dư tài khoản

này) để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

a) Trường hợp cơ sở đăng kiểm áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của cơ sở đăng kiểm. Cơ sở đăng kiểm thực hiện khai, nộp thuế theo quy định pháp luật về thuế.

b) Trường hợp cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở đăng kiểm quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

3. Cơ sở đăng kiểm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được còn lại (sau khi trừ số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ theo quy định tại khoản 1 Điều này và số tiền phí được trích để lại theo quy định tại khoản 2 Điều này) vào tài khoản chuyên thu phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau.

số tiền phí thực thu.

chuyên thu phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kê khai, nộp phí sử dụng đường bộ thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp số tiền phí (quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), Cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được (trường hợp được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này thì nộp 98,8% số tiền phí thu được) vào ngân sách trung ương theo Chương của Bộ Giao thông vận tải và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành để chi cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ.

4. Số tiền phí sử dụng đường bộ được để lại chi của tổ chức thu phí: Trường hợp tổ chức thu phí áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của đơn vị và thực hiện khai, nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) theo quy định pháp luật về thuế; trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức thu phí quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.

Điều 8. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp

1. Đối với xe ô tô quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này nếu đã nộp phí sử dụng đường bộ thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc được bù trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí

1. Các trường hợp thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp.

a) Chủ xe quy định tại điểm a, điểm b (trường hợp bị

- Sửa đổi tên Điều 9 để phù hợp với nội dung quy định tại Điều này.

- Điều chỉnh “Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm

a) Đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này trước khi mang xe đi sửa chữa, chủ phương tiện phải xuất trình Biên bản hiện trường tai nạn có xác nhận của cơ quan công an và nộp lại Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho đơn vị đăng kiểm gần nhất để có căn cứ trả lại phí sau khi phương tiện hoàn thành việc sửa chữa và kiểm định lại để tiếp tục lưu hành.

...

b) Hồ sơ trả lại phí hoặc bù trừ vào số phí sử dụng đường bộ kỳ sau (sau đây gọi chung là trả lại phí) bao gồm:

...

c) Hồ sơ trả lại phí sử dụng đường bộ được nộp tại đơn vị đăng kiểm. Khi nộp hồ sơ, đối với các bản chụp, người đề nghị trả lại phí phải mang theo bản chính để đơn vị đăng kiểm đối chiếu. Khi tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ trả lại phí sử dụng đường bộ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn chỉnh.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả lại phí sử dụng đường bộ, căn cứ hồ sơ đề nghị trả lại phí của chủ phương tiện, thủ trưởng đơn vị đăng kiểm ra Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi người đề nghị trả lại phí.

đ) Số phí sử dụng đường bộ được trả lại hoặc bù trừ cho chủ phương tiện tương ứng với số phí đã nộp cho thời

tịch thu) và điểm d (trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng) khoản 1 Điều 3 Nghị định này được trả lại phí đã nộp nếu đã nộp phí.

b) Chủ xe quy định tại điểm b (trường hợp bị tạm giữ), điểm c, điểm d, điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này được bù trừ phí đã nộp vào số phí phải nộp của kỳ sau nếu đã nộp phí.

Số phí được trả lại hoặc bù trừ là số phí mà chủ xe đã nộp cho thời gian xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Hồ sơ xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí được trả lại phí hoặc bù trừ phí đã nộp

a) Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với tất cả các trường hợp được trả lại hoặc bù trừ số phí đã nộp.

b) Bản chụp Quyết định hoặc Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

c) Bản chụp Quyết định hoặc Biên bản tịch thu phương tiện đối với trường hợp xe ô tô bị tịch thu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

d) Bản chụp Quyết định hoặc Biên bản tạm giữ phương tiện và Biên bản bàn giao tài sản sau khi bị tạm giữ đối với trường hợp xe ô tô bị tạm giữ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

đ) Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3

dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên" thành "Thủ tục xin tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên". Đồng thời, đơn gian hóa, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC tại Sở XD (thời gian giải quyết từ 04 ngày xuống còn 01 ngày làm việc).

- Bỏ "Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu"

- Bỏ "Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem thu phí sử dụng đường bộ".

- Kết cấu lại nội dung cho lô gíc, mạch lạc.

- Quy định rõ trường hợp xe được trả lại phí, xe được bù trừ phí đã nộp, thời gian nộp Đơn xin xác nhận cho đơn vị đăng kiểm (đối với xe không tham gia giao thông).

- Quy định Hồ sơ trả lại phí hoặc bù trừ vào số phí sử dụng đường bộ kỳ sau: Bỏ Bản chụp giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát

gian phương tiện không sử dụng.

e) Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ là căn cứ để đơn vị đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ vào số phí phải nộp kỳ sau.

2. Đối với xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

a) Khi tạm dừng lưu hành...

b) Khi doanh nghiệp lưu hành lại xe đã đề nghị tạm dừng lưu hành, đơn vị đăng kiểm tính số phí sử dụng đường bộ được bù trừ, cấp lại Tem đăng kiểm, Sở Giao thông vận tải cấp lại phù hiệu, biển hiệu và thực hiện các thủ tục, như sau:

...

3. Đối với xe ô tô quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định này:

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải, bao gồm:

Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Bản chụp giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

Bản chụp giấy đăng ký xe (của từng xe xin xác nhận).

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

...

c) Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn xin xác nhận (có xác

Nghị định này.

e) Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

g) Giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

h) Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an và Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ xe đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

Khi nộp hồ sơ, đối với các bản chụp quy định tại khoản này, chủ xe phải mang theo bản chính để cơ sở đăng kiểm đối chiếu. Trường hợp nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thì thực hiện theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch công trực tuyến.

3. Trình tự thực hiện xác định xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí (trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này)

a) Chủ xe nộp hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ sở đăng kiểm.

b) Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo cho chủ xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ.

hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động và Bản chụp giấy đăng ký xe; biên lai thu phí.

- Bổ sung trường hợp nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định.

d) Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn xin xác nhận có dấu xác nhận của Sở Giao thông vận tải.

...

đ) Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, doanh nghiệp làm Đơn xin xác nhận bổ sung gửi Sở Giao thông vận tải theo thủ tục nêu trên.

e) Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cho phép lưu hành xe trên hệ thống giao thông đường bộ (từ diện không chịu phí sang chịu phí), doanh nghiệp đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí sử dụng đường bộ để được tham gia giao thông. Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí sử dụng đường bộ cho phương tiện kể từ ngày chủ phương tiện đến đăng ký lưu hành trở lại, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

4. Đối với xe ô tô quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị định này có các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cấp có thẩm quyền nếu thời gian hoạt động ở nước ngoài từ 30 ngày trở lên thì chủ phương tiện không phải chịu phí sử dụng đường bộ cho thời gian này. Chủ phương tiện cung cấp giấy tờ chứng minh xe được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật cho đơn vị đăng kiểm khi đăng kiểm. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian hoạt động tại nước ngoài thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

5. Đối với xe ô tô quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ phương tiện phải xuất trình Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp xe đã được nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian bị mất từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này chậm nhất là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự thực hiện xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm. Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn. Đối với xe chưa nộp đủ phí sử dụng đường bộ tính đến thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông thì chủ xe phải nộp bổ sung.

b) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và các giấy tờ kèm theo, cơ sở đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định pháp luật và thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ, lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ cho chủ xe trong trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp.

trả lại (hoặc bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo nếu tìm lại được phương tiện), thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

Trường hợp tìm thấy phương tiện thì chủ phương tiện phải cung cấp cho đơn vị đăng kiểm Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ phương tiện.

6. Trong trường hợp tổ chức thu phí phát hiện việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ quy định hoặc nhầm loại phương tiện, đơn vị đăng kiểm phải liên hệ với chủ phương tiện để thu bổ sung (nếu thu thiếu) và trả lại phí (nếu thu thừa) cho chủ phương tiện. Trong các trường hợp này, đơn vị đều phải lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ giữa tổ chức thu phí và chủ phương tiện theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí.

7. Đối với các xe thuộc lực lượng quốc phòng, công an sau khi thanh lý thì chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại điểm 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này kể từ khi xe được cấp biển số mới.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Khi chủ xe có nhu cầu tham gia giao thông trở lại, chủ xe đưa xe đến cơ sở đăng kiểm để thực hiện kiểm định, đồng thời nộp lại Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

5. Trình tự thực hiện xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (gọi chung là Đơn xin xác nhận) cho Sở Xây dựng địa phương nơi quản lý phương tiện.

Trong quá trình hoạt động nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, chủ xe làm Đơn xin xác nhận bổ sung gửi Sở Xây dựng theo thủ tục nêu trên.

b) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng trả lại Đơn xin xác nhận để chủ xe hoàn thiện.

c) Chủ xe nộp 01 bản Đơn xin xác nhận cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày được Sở Xây dựng xác nhận.

d) Đối với trường không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định) theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng.

d) Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Đồng thời, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định thì được trả lại số phí đã nộp hoặc cơ sở đăng kiểm tính và thu phí đến ngày cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định đối với trường hợp xe chưa nộp phí tính đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông.

e) Trường hợp chủ xe đề nghị cho phép lưu hành xe trên đường dành cho giao thông công cộng (tử diện không chịu phí sang chịu phí), chủ xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí để được tham gia giao thông. Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho xe ô tô kể từ ngày chủ xe đến đăng ký lưu hành trở lại, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc....

Điều 9. Tổ chức thực hiện**1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:**

a) Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện, gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở lập dự toán gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Trên cơ sở dự toán thu phí được Bộ Giao thông vận tải giao hàng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng đơn vị đăng kiểm trên cả nước.

b) Tổ chức in ấn, cấp phát và quản lý sử dụng Tem nộp phí sử dụng đường bộ đối với ô tô theo mẫu được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

c) Quản lý thu, nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ; đơn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo đơn vị đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ vào ngân sách nhà nước. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí sử dụng đường bộ đối với các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới theo quy định.

2. Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ thu phí sử dụng đường bộ, quản lý thu, nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện đến đăng kiểm theo đúng quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Thực hiện chuyển số tiền phí sử dụng đường bộ thu được về tài khoản chuyên thu phí sử dụng đường bộ theo quy định của Nghị định này và theo hướng dẫn của Cục

Điều 11. Tổ chức thực hiện**1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:**

a) Căn cứ số dự kiến thu phí sử dụng đường bộ năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cục Đường bộ Việt Nam xây dựng, Bộ Xây dựng lập dự toán thu phí và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện để làm cơ sở lập dự toán, tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền và triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng cơ sở đăng kiểm trên cả nước.

c) Chỉ đạo việc xây dựng, thống nhất quản lý, cấp quyền khai thác, hướng dẫn sử dụng Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ để các cơ sở đăng kiểm thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu, nộp, trả lại phí đối với các phương tiện đến đăng kiểm (gồm: tạo biên lai thu phí; lập Quyết định trả lại/bù trừ phí; lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí; lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định); quản lý cơ sở dữ liệu về thu; cung cấp thông tin cho chủ xe, các cơ sở đăng kiểm và cơ quan chức năng về việc nộp phí và ngừng tham gia giao thông của xe.

d) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý thu, nộp, trả lại hoặc bù trừ phí, báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ; đơn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí của các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo cơ sở đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí vào ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí đối với các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới

Quy định bổ sung trách nhiệm của Bộ XD trong việc Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ (hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ) và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy định.

Đăng kiểm Việt Nam.

c) Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán theo quy định pháp luật.

3. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ thu phí sử dụng đường bộ, quản lý thu, nộp phí sử dụng đường bộ theo quy định của Nghị định này.

b) Hàng năm, lập dự toán và báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Căn cứ số dự kiến thu phí sử dụng đường bộ năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và cơ quan nhà nước quản lý giao thông đường bộ xây dựng, Bộ Giao thông vận tải lập dự toán thu phí sử dụng đường bộ và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí sử dụng đường bộ (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

c) Xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, chỉ đạo tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ có mã QR cho chủ phương tiện, theo lộ trình do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

theo quy định.

đ) Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ (hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ) và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy định.

e) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí sử dụng đường bộ (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

5. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm: Kiểm tra, xác nhận, cấp, thu hồi phù hiệu, biển hiệu đối với xe ô tô thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại Nghị định này.		
Điều 10. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024. 2. Bãi bỏ: a) Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ. b) Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. 3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. 4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc	Điều 10. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. 2. Đối với các trường hợp đã nộp phí qua thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà có sự thay đổi mức thu phí theo quy định tại Nghị định này thì được áp dụng mức thu phí mới kể từ kỳ nộp phí tiếp theo. 3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí và các văn bản quy định chi tiết; Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết; các quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ, thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước. 4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	- Quy định điều khoản chuyển tiếp. - Dẫn chiếu các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Nghị định này đến các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan theo hướng không nêu tên văn bản cụ thể để đảm bảo tính ổn định và đầy đủ.

thay thế.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP
ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)

BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh	130	390	780	1.560	2.280	3.000
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên); xe tải, xe ô tô chuyên dùng	180	540	1.080	2.160	3.150	4.150

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ THU QUA ĐÀU PHƯƠNG TIỆN ĐỐI VỚI XE Ô TÔ

1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	24 tháng	36 tháng
1	Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) không kinh doanh vận tải.	130	390	780	1.560	3.000	4.320
2	Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe tải, xe	180	540	1.080	2.160	4.150	5.980

- Thay đổi các khái niệm để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về phân loại phương tiện.

- Bổ sung thêm một dòng ghi chú về việc chứng minh là xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân và được hưởng chính sách trợ giá ở phía dưới Phụ lục 01.

- Bỏ mức thu phí theo chu kỳ kiểm định 18 tháng và bổ sung mức thu phí theo chu kỳ kiểm định 36 tháng tại Biểu mức thu phí cho phù hợp Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

- Phân chia mức phí của "xe chở người đến 8 chỗ

	có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt); xe chở hàng và xe chở người 4 bánh có gắn động cơ							chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá).							(không kể chỗ của người lái xe)" theo hình thức xe kinh doanh vận tải và xe không kinh doanh vận tải để phù hợp thực tiễn hoạt động của loại xe này.
3	Xe chở người từ 10 chỗ đến dưới 25 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg	270	810	1.620	3.240	4.730	6.220	3 Xe chở người trên 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến dưới 24 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg.	270	810	1.620	3.240	6.220	8.970	
								4 Xe chở người từ 24 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) chỗ đến dưới 39 chỗ (không kể	390	1.170	2.340	4.680	8.990	12.960	
4	Xe chở người	390	1.17	2.34	4.680	6.830	8.990								

	từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg		0	0					chỗ của người lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg.							
5	Xe chở người từ 40 chỗ trở lên; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg	590	1.77 0	3.54 0	7.080	10.34 0	13.59 0	5	Xe chở người từ 39 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) trở lên; xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg.	590	1.77 0	3.540	7.080	13.59 0	19.61 0	
6	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000	720	2.16 0	4.32 0	8.640	12.61 0	16.59 0	6	Xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho	720	2.16 0	4.320	8.640	16.59 0	23.93 0	

Ghi chú:

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.
- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 36 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.
- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng

khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên								kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.
---	--	--	--	--	--	--	--	---

Ghi chú:

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.
- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 36 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.
- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.
- Khối lượng toàn bộ là: Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.

2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quốc phòng

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe con quân sự	1.000
2	Xe vận tải quân sự	1.500

3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe chuyên dùng	1.500

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)		
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000		
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe ô tô chuyên dùng	1.500		
Phụ lục II <i>(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)</i>			Phụ lục II <i>(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)</i>	- Bỏ mẫu số 06, 07, 08, 09, 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 90. - Sửa đổi tên và nội dung Mẫu số 01, 03, 04, 05, 10, 11, 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 90.
Mẫu số 01	Giấy đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ		Mẫu số 01	Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 02	Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định		Mẫu số 02	Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định
Mẫu số 03	Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ		Mẫu số 03	Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 04	Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí		Mẫu số 04	Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 05	Đơn xin tạm dừng lưu hành		Mẫu số 05	Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông
Mẫu số 06	Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành		Mẫu số 06	Đơn xin xác nhận xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao

Mẫu số 07	Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải		thông công cộng	
Mẫu số 08	Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí	Mẫu số 07	Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ	
Mẫu số 09	Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Mẫu số 08	Biên bản thu Tem kiểm định	
Mẫu số 10	Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ			
Mẫu số 11	Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ			
Mẫu số 12	Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ			
Mẫu số 13	Đơn đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, MIỄN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ THU QUA ĐÀU PHƯƠNG TIỆN ĐỐI VỚI XE Ô TÔ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính (TTHC), việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị định

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng), Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Ngày 27/6/2024, Quốc hội ban hành Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, trong đó sửa đổi tên “phí sử dụng đường bộ” thành “phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô”.

Ngày 27/6/2024, Quốc hội ban hành Luật Trật tự, an toàn giao thông, đường bộ số 36/2024/QH15, trong đó sửa đổi thuật ngữ, điều kiện xe ô tô tham gia giao thông... liên quan đến đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ.

Ngày 26/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), trong đó sửa đổi, bổ sung Luật Phí và lệ phí, theo đó, phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan Nhà nước thực hiện phải nộp toàn bộ vào NSNN.

Qua gần 02 năm thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, đã đạt được kết quả nhất định, tuy nhiên cũng phát sinh một số bất cập cần nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

Rà soát và đánh giá các TTHC; các nội dung liên quan đến việc phân cấp,

phân quyền, ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về môi trường; bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

Nhằm cắt giảm TTHC, giảm thời gian giải quyết TTHC, chi phí tuân thủ TTHC dựa trên ứng dụng công nghệ, tái sử dụng dữ liệu và gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính quy định 03 TTHC trong dự thảo Nghị định, cụ thể:

(i) Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp.

(ii) Thủ tục xin tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên.

(iii) Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng.

Trong đó:

- Giữ 01 TTHC đối với “Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp” như quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. Lý do: Theo đánh giá của Bộ Xây dựng thì trình tự, hồ sơ, thời gian thực hiện, tổng chi phí tuân thủ TTHC tối ưu hóa, trong quá trình thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc.

- Đổi tên 01 TTHC đối với “Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ” thành “Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng”. Lý do: Phù hợp với Luật Đường bộ.

- Đơn giản hóa và giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ TTHC đối với “Thủ tục xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên”, đồng thời đổi tên thủ tục thành “Thủ tục xin tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên” do bổ sung quy định đối tượng là xe bị hư hỏng phải sửa chữa phải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng tham gia giao thông: Doanh nghiệp không phải xin xác nhận xe kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng); Chủ xe ô tô chỉ cần nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông cho cơ sở đăng kiểm và cơ sở đăng kiểm lập Biên bản thu tem và giấy chứng nhận kiểm định ngay sau khi nhận được đơn. Như vậy cắt giảm được cả thời gian giải quyết TTHC so với quy định trước đây tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. Tổng thời gian thực hiện TTHC giảm 80% (giảm 04 ngày làm việc).

- Bỏ “Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu” do các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải không còn phải làm thủ tục nộp phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải cho Sở Xây dựng. Tổng chi phí tuân thủ TTHC dự kiến cắt giảm khoảng 82,3 triệu đồng.

- Bỏ “Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem thu phí sử dụng đường bộ” do xe dừng tham gia giao thông khi lưu hành trở lại sẽ phải thực hiện kiểm định để được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định (chủ xe không phải làm Đơn xin cấp/cấp lại Tem kiểm định). Đồng thời, chủ xe cũng không phải đề nghị cấp/cấp lại Tem thu phí sử dụng đường bộ do đã bỏ Tem thu phí sử dụng đường bộ. Tổng chi phí tuân thủ TTHC dự kiến cắt giảm khoảng 71,5 triệu đồng.

(Biểu mẫu đánh giá TTHC, Biểu mẫu tính toán chi phí tuân thủ TTHC kèm theo).

2. Việc phân quyền, phân cấp

- Tại khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội quy định:

“1. Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có:

- a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh);
- b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã). ”

- Tại khoản 2 Điều 7 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025 quy định về phân quyền quy định: “Việc xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương phải phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định tại Luật này và điều kiện, đặc điểm, nguồn lực, năng lực của địa phương; bảo đảm tính chủ động, tự chủ của chính quyền địa phương trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền. ”

- Tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về tổ chức thực hiện tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP theo hướng chỉ còn giao trách nhiệm cho Bộ Xây dựng (là Bộ chuyên ngành chủ quản trong việc tổ chức thực hiện thu phí sử dụng đường bộ qua đầu phương tiện đối với xe ô tô), cụ thể như sau:

“1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Căn cứ số dự kiến thu phí sử dụng đường bộ năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cục Đường bộ Việt Nam xây dựng, Bộ Xây dựng lập dự toán thu phí và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện để làm cơ sở lập dự toán, tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền và triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng cơ sở đăng kiểm trên cả nước.

c) Chỉ đạo việc xây dựng, thống nhất quản lý, cấp quyền khai thác, hướng

dẫn sử dụng Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ để các cơ sở đăng kiểm thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu, nộp, trả lại phí đối với các phương tiện đến đăng kiểm (gồm: tạo biên lai thu phí; lập Quyết định trả lại/bù trừ phí; lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí; lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định); quản lý cơ sở dữ liệu về thu; cung cấp thông tin cho chủ xe, các cơ sở đăng kiểm và cơ quan chức năng về việc nộp phí và ngừng tham gia giao thông của xe.

d) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý thu, nộp, trả lại hoặc bù trừ phí, báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí của các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo cơ sở đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí vào ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí đối với các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định.

đ) Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ (hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ) và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh để giải quyết các TTHC liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy định.

e) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí sử dụng đường bộ (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.”

Quy định này đảm bảo phù hợp với quy định về phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện chủ trương về chuyển đổi số quốc gia, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định:

(i) Giao Bộ Xây dựng: Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ (hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ) và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh để giải quyết các TTHC liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy định.

(ii) Quy định: Trường hợp nộp hồ sơ để thực hiện TTHC trên môi trường điện tử thì thực hiện theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch công trực tuyến.

(iii) Quy định: hình thức nộp phí của người nộp phí trong trường hợp thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Các quy định trên tại dự thảo Nghị định đảm bảo tạo thuận lợi cho việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, an toàn thông tin.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định không quy định về bình đẳng giới.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị định không quy định về chính sách dân tộc.

Trên đây là những nội dung đánh giá TTHC, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô./.

Phụ lục I
BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Biểu mẫu số 02/DGTD-BHM

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo: Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể: Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô. b) Lý do: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Bị hư hỏng không sử dụng được; bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông; Xe Bị tịch thu, tạm giữ Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; xe hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông; Xe của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể

	thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học; Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên; Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó được công an tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp. b) Lý do: Nhà nước cần quy định: Đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân khi không sử dụng phương tiện giao thông thì không chịu phí.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để thực hiện bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp. b) Điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo Nghị định: Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định.
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Chủ phương tiện không thực hiện TTHC thì cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để thực hiện.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có ☒ Không ☐
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☐
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nội dung quy định: Chủ phương tiện phô tô các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện.

- Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒

3. Cách thức thực hiện

- | | |
|---|---|
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒
Điện tử ☒ | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐
- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ |
| b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒
Điện tử ☒ | |

4. Thành phần, số lượng hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ: nộp tại cơ quan đăng kiểm
- Giấy đề nghị trả phí hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ;
 - Bản phô tô (không cần công chứng, chứng thực) các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện (như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe);
 - Bản phô tô biên lai thu phí (không cần công chứng, chứng thực);
 - Riêng đối với xe ô tô bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục tham gia giao thông phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên thì ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định.
- Lý do quy định: Đảm bảo cơ sở trả lại hoặc bù trừ tiền phí đã nộp của đối tượng không chịu phí.

- | | |
|---|---|
| b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có ☒ Không ☐ |
|---|---|

- d) Số lượng bộ hồ sơ: 01

5. Thời hạn giải quyết

- | | |
|---|---|
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có ☒ Không ☐
- Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Chậm nhất là 03 ngày làm việc (chậm nhất là 01 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định), kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả lại phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với ô tô, căn cứ hồ sơ đề nghị trả lại phí của chủ xe ô tô, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm tra ra Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với ô tô.
Hồ sơ trả lại/bù trừ phí: 01 hoặc 03 ngày làm việc.
Lý do quy định: Để có đủ thời gian ra quyết định và kiểm tra thực tế. |
|---|---|

- | | |
|--|--|
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có ☒ Không ☐
Lý do quy định: Để đảm bảo rõ ràng trách nhiệm của mỗi cơ quan. |
|--|--|

6. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ - Phí: Không ☒ Có ☐ - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: đảm bảo thuận lợi trong việc triển khai thủ tục hành chính.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ	- Những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô Lý do quy định: đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện thủ tục hành chính của tổ chức thu phí. + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô Lý do quy định: đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện thủ tục hành chính của tổ chức thu phí. + Nội dung thông tin 3: Tài liệu gửi kèm - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒

Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định xe ô tô thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ.	
e) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒
Yêu cầu, điều kiện:	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☒ Không ☐ Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định, Biên bản thu Tem kiểm định. + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy " " Bản điện tử
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Trương Thị Thu Điện thoại cố định:; Di động: 0336.049.680; E-mail: truongthithu@gmail.com	

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục 30 ngày trở lên thuộc diện không chịu phí

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù

vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô. b) Lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; xe hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp trong thời gian không tham gia giao thông. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân tạm dừng tham gia giao thông
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để thực hiện bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp. b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định.
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Chủ xe không thực hiện TTHC thì cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để thực hiện bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có ☒ Không ☐
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐

b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm. Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn. Đối với xe chưa nộp đủ phí sử dụng đường bộ tính đến thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông thì chủ xe phải nộp bổ sung. - Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định pháp luật, thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ trong ngày làm việc. - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông.	- Lý do quy định: Chủ phương tiện cung cấp thông tin xe tạm dừng tham gia giao thông.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực.	- Lý do quy định: Đảm bảo xe không sử dụng Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định tiếp tục tham gia giao thông công cộng. - Yêu cầu về hình thức: Đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe, trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn. Lý do quy định: Đảm bảo thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính.
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Đảm bảo thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: + Thời hạn: 01 ngày làm việc: Cơ quan đăng kiểm xem xét hồ sơ tạm dừng tham gia giao thông hợp lệ và trả kết quả trong ngày làm việc. Lý do quy định: Có đủ thời gian ra quyết định và kiểm tra thực tế.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do quy định: Đảm bảo thuận lợi cho người nộp phí.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ - Phí: Không ☒ Có ☐ - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐
9. Mẫu đơn, tờ khai	

a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đảm bảo thuận lợi trong việc thực hiện thủ tục hành chính.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên, địa chỉ, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Lý do quy định: thuận lợi cho việc đối chiếu, tra soát. + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: Thuận lợi cho việc phân loại công việc + Nội dung thông tin 3: Xác nhận của Cơ sở Đăng kiểm - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không ☐ Nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Cơ sở Đăng kiểm xác nhận các xe trên đúng là xe thuộc sở hữu của doanh nghiệp, doanh nghiệp xin tạm dừng tham gia giao thông từ ngày... Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định thời gian tạm dừng tham gia giao thông, để xét thuộc trường hợp không chịu phí
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy " Bản điện tử "
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do:
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Theo đề nghị của doanh nghiệp
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Thống nhất thực hiện trên toàn quốc
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	

Họ và tên người điền: Trương Thị Thu

Điện thoại cố định:; Di động: 0336.049.680; E-mail: truongthithu@gmail.com

3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Bảo đảm quyền lợi của chủ phương tiện khi không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng hoặc chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học thì không phải nộp phí sử dụng đường bộ. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân khi không sử dụng phương tiện giao thông thì không chịu phí
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng và trả lại hoặc bù trừ tiền phí đã nộp b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Không, nêu rõ lý do: cần thiết để thực hiện xác định đối tượng không chịu phí
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có ☒ Không ☐
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒

bản khác không?	- Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: + Hồ sơ xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng hoặc chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học được nộp tại Sở Xây dựng. + Sở Xây dựng kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Xây dựng thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Xây dựng tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn đề nghị, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. + Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn đề nghị (có xác nhận của Sở Xây dựng) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định. + Khi đăng kiểm xe, doanh nghiệp nộp bản sao Đơn đề nghị (có đóng dấu chứng thực của doanh nghiệp). Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn đề nghị có dấu xác nhận của Sở Xây dựng, nếu phù hợp sẽ không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở Xây dựng xác nhận. - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	

a) Tên thành phần hồ sơ 1: nộp tại Sở GTVT - Đơn đề nghị xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng) - Bản sao giấy đăng ký kinh doanh; - Bản sao giấy đăng ký xe (của từng xe đề nghị);	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo cơ sở cho việc xác định xe thuộc diện không chịu phí - Yêu cầu về hình thức: không.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: nộp tại đơn vị đăng kiểm Đơn đề nghị xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng) có xác nhận của Sở GTVT.	- Nêu rõ lý do quy định: Làm căn cứ để đơn vị đăng kiểm không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở Xây dựng xác nhận - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu để đảm bảo thống nhất thực hiện.
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Chậm nhất 10 ngày làm việc, Sở Xây dựng kiểm tra xác nhận xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng hoặc chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học. - Lý do quy định: Để có đủ thời gian ra quyết định và kiểm tra thực tế.

b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu có, nêu rõ lý do: - Phí: Không ☒ Có ☐ - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: đảm bảo thực hiện thống nhất.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn xin xác nhận xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên, địa chỉ, số đăng ký kinh doanh Lý do quy định: Thuận lợi trong việc tra soát. + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: thuận lợi trong việc phân loại Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Sở Xây dựng đã kiểm tra và

	xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng. Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☐ Bản điện tử ☐
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Theo đề nghị của doanh nghiệp
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Trương Thị Thu Điện thoại cố định:.....; Di động: 0336.049.680; E-mail: truongthithu@gmail.com	

BIỂU TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp

[illegible]

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
	quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.977	0	0	1	22	53.977	1.187.494	
		Bưu chính			0	0	1	4	8.000	32.000	
		Điện tử			0	0	1	4	0	0	
	TỔNG								178.931	4.088.298	

chịu phí

[illegible]

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
	quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	Trực tiếp	1	53.977	0	1	400	53.977	21.590.800	
		Bưu chính	Bưu chính			0	1	50	8.000	400.000	
		Điện tử	Điện tử			0	1	50	0	0	
	TỔNG								233.908	98.958.600	

công cộng

[illegible]

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
	đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)								0		
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	Trực tiếp	1	53.977	0	1	5	53.977	53.977	
		Bưu chính	Bưu chính			0	1	2	8.000	16.000	
		Điện tử	Điện tử			0	1	1	0	0	
	TỔNG								233.908	1.019.586	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý,
PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

- 1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: 58; Tổng số ý kiến nhận được: 54 ý kiến.
- 2. Kết quả cụ thể như sau:

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Tên Nghị định	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	Đề nghị bỏ đường kẻ ngang phía dưới tên Nghị định để phù hợp với Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
Căn cứ ban hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đối với căn cứ pháp lý là luật, chỉ ghi số của văn bản, không ghi ngày tháng năm ban hành văn bản.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
	Sở Tài chính tỉnh Điện Biên	Đề nghị chỉnh sửa toàn bộ phần căn cứ pháp lý để phù hợp với Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	Đề nghị dự thảo cần trình bày các căn cứ pháp lý theo quy định tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.

NỘI DUNG TIẾP TH

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			với xe quá cảnh.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị thiết kế đoạn 2 khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định thành 1 khoản riêng để bảo đảm thống nhất với khoản 2 điều này quy định về đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ.	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về đối tượng chịu phí; Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về người nộp phí. Khó rơi khoản 1 quy định trường hợp thuộc đối tượng chịu phí nhưng chưa thu phí nên thiết kế như tại dự thảo Nghị định là phù hợp.
	Bộ Xây dựng	Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định đề nghị sửa lại như sau: <i>“Xe ô tô theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đã được cấp chứng nhận đăng ký xe...”</i> Lý do: Trong thực tế, khi xe ô tô đi đăng ký, cơ quan Công an sẽ cấp biển số và giấy hẹn cấp đăng ký xe. Khi đó, chủ xe ô tô đã được phép đi đăng kiểm để lưu hành.	Đã tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị định vì theo quy định tại Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (GTVT) thì xe ô tô chỉ cần có Giấy hẹn cấp đăng ký xe là được đăng kiểm.
	Bộ Xây dựng	Đề nghị xem xét rà soát khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định để bảo đảm thống nhất với quy định pháp luật dân sự do tại Điều 165 Bộ Luật dân sự không có quy định về việc “giao quyền chiếm hữu”, chỉ có quy định về “chuyển giao quyền chiếm hữu” hoặc “ủy quyền quản lý tài sản”, là căn cứ phát sinh chiếm hữu tài sản.	Đã tiếp thu và hoàn thiện khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định tại Điều 165 Bộ Luật dân sự.
	Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội	Đề nghị sửa khó rơi khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định như sau: <i>“Chưa thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số tạm thời)...”</i>	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
Điều 3. Đối tượng không chịu phí 1. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này không chịu phí sử dụng	Bộ Xây dựng	1. Tại điểm a khoản 1 Điều 3, đề nghị bổ sung thêm trường hợp <i>“xe bị thái bỏ, bị mất không tìm được”</i> theo quy định tại điểm d và đ khoản 6	1. Đã tiếp thu và hoàn chỉnh tại dự thảo Nghị định 2. Pháp luật trật tự, an toàn giao thông

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
đường bộ trong các trường hợp sau: a) Bị hư hỏng không sử dụng được theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông; b) Bị tịch thu, tạm thu, tạm giữ hoặc bị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; c) Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kinh doanh vận tải; d) Xe của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) hoặc xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng		Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. 2. Giữ nguyên đối tượng không chịu phí là <i>xe ô tô bị hủy hoại do thiên tai</i> đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP do pháp luật trật tự, an toàn giao thông không có quy định về xe hư hỏng do thiên tai. Tại điểm b khoản 1 Điều 3 đề nghị sửa lại như sau: “<i>Bị tịch thu, tạm thu, tạm giữ hoặc bị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (trong trường hợp chuyển quyền sở hữu xe)</i>”; Lý do: Đề nghị bỏ trường hợp xe bị “<i>tạm thu</i>” vì không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đồng thời, đề nghị bổ sung thêm chú thích “<i>trong trường hợp chuyển quyền sở hữu xe</i>” để phân biệt với trường hợp xe bị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3.	không có quy định cụ thể về xe ô tô bị hủy hoại do thiên tai. Ngoài ra, theo Bộ Xây dựng tại công văn số 5721/BXD-VP ngày 25/6/2025 thì trong thực tế xe bị hủy hoại còn do nhiều nguyên nhân khác không chỉ có lý do tai nạn hoặc thiên tai. Vì vậy, căn cứ quy định tại pháp luật trật tự, an toàn giao thông và đề xuất của Bộ Xây dựng, để đảm bảo bao quát các trường hợp, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng quy định chung xe bị hư hỏng không sử dụng được theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông thay cho xe bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn. - Đã tiếp thu và bỏ cụm từ “tạm thu” tại điểm b khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Ngoài ra, qua rà soát Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 (tại khoản 6 Điều 39) và rà soát nội dung dự thảo Nghị định thì tại dự thảo Nghị định đã bỏ quy định “bị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe” tại điểm b khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất vì 06 trường hợp “bị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe” theo quy định Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 đã được tách ra để quy định ở các điều, khoản cụ thể của dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: + Các trường hợp “xe ô tô bị hư hỏng không sử dụng được”, “xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng), khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học; đ) Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên; e) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên. 2. Hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. 3. Chủ xe nếu có xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí đã nộp phí thì được trả lại hoặc bù trừ với số phí phải nộp của kỳ sau theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. 4. Không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.			nhận đăng ký xe, biển số xe” đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định. + Các trường hợp “Xe nhập khẩu được miễn thuế hoặc xe tạm nhập của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài mà tái xuất, chuyển quyền sở hữu hoặc tiêu hủy; xe hết thời hạn đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế”; “Xe đã đăng ký nhưng phát hiện hồ sơ xe bị làm giả hoặc có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi trái phép số khung, số máy; xe tháo máy để đăng ký sử dụng cho xe khác”; xe được “cấp đăng ký, cấp biển số xe không đúng quy định của pháp luật” và “xe ô tô hết niên hạn sử dụng” không thuộc đối tượng không chịu phí tại dự thảo Nghị định (kể thừa quy định tại Nghị định 90). + Đối với trường hợp “Chuyển quyền sở hữu xe; trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trùng đầu giá thì chỉ thu hồi chứng nhận đăng ký xe” theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, chủ xe sẽ không được hoàn trả/bù trừ phí (tương tự như xe ô tô cá nhân tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên); quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ, các bên liên quan thực hiện theo pháp luật dân sự (nội dung này được thể hiện tại điểm i khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định).

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tại điểm c khoản 1 Điều 3 đề nghị sửa lại như sau: “Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: xe bị hư hỏng phải sửa chữa; xe kinh doanh vận tải (biển số nền màu vàng, chữ và số màu đen)”; Lý do: Cách thức nhận biết xe kinh doanh vận tải thông qua quy định về biển số xe đã được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 36 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Đã Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định theo hướng viện dẫn đến pháp luật trật tự, an toàn giao thông, cụ thể: “Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên, bao gồm: ... xe hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông”.
	Sở Tài chính tỉnh Điện Biên	Tại điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định, đề nghị cụ thể hóa thủ tục, giấy tờ chứng minh theo nguyên tắc quy định thủ tục hành chính (TTHC) đối với xe “tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên.”	Hồ sơ, giấy tờ chứng minh đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên đã được quy định tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định và phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.
	Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng	Tại điểm d khoản 1 Điều 3 đề nghị biên tập nội dung để phân biệt rõ 02 đối tượng không chịu phí: (1) Đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng và (2) đối tượng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng. Ngoài ra hiện nay có xe sát hạch vẫn tham gia giao thông công cộng (sử dụng để sát hạch lái xe trên đường công cộng và sử dụng để đào tạo lái xe).	- Tại điểm d khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định gộp 2 đối tượng xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng và đối tượng xe chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng vào cùng một khoản để đảm bảo thuận lợi trong việc thực hiện vì 2 đối tượng này cùng thực hiện thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ. - Đối với xe sát hạch của Trung tâm sát hạch lái xe: trường hợp xe chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, không tham gia giao thông công cộng thì cần xác nhận tại Sở Xây dựng để thuộc đối tượng không chịu phí. Trường hợp xe của Trung

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			tâm sát hạch lái xe vẫn tham gia giao thông công cộng thì vẫn thuộc đối tượng chịu phí.
	Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội	Tại điểm c khoản 1 Điều 3, đề nghị bổ sung thêm xe cá nhân đi học tập, công tác nước ngoài thời gian dài.	Hiện nay, chưa có cơ sở pháp lý để xác định xe cá nhân đi học tập, công tác nước ngoài thời gian dài sẽ dừng lưu hành và không tham gia giao thông. Do đó, việc bổ sung đối tượng này vào đối tượng không chịu phí là chưa phù hợp.
	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh	1. Đề nghị bổ sung đối tượng không chịu phí: “xe niêm cất không sử dụng”. Lý do: Trong thực tế có rất nhiều phương tiện của các tổ chức, cá nhân không có nhu cầu sử dụng trong thời gian chờ thanh lý hoặc bán. 2. Đề nghị bổ sung thêm đối tượng không chịu phí: “Xe bị thiên tai, hỏa hoạn có xác nhận ngay tại thời điểm xảy ra”. Lý do: Trong thực tế có rất nhiều phương tiện do thiên tai, hỏa hoạn ngừng hoạt động để sửa chữa.	1. Hiện nay, chưa có cơ sở pháp lý để xác định xe niêm cất không sử dụng trong thời gian chờ thanh lý hoặc bán sẽ dừng lưu hành và không tham gia giao thông. Do đó, việc bổ sung đối tượng này vào đối tượng không chịu phí là chưa phù hợp. 2. Xe bị thiên tai, hỏa hoạn có xác nhận ngay tại thời điểm xảy ra đã nằm trong đối tượng không chịu phí “bị mất không tìm được”, “hư hỏng không sử dụng được” tại điểm a và “xe bị hư hỏng phải sửa chữa” tại điểm c khoản 1 Điều 3.
Điều 4. Các trường hợp miễn phí Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các loại xe ô tô sau: 1. Xe cứu thương. 2. Xe chữa cháy. 3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm: a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác); b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng	Sở Tài chính tỉnh Điện Biên	Đề nghị đối chiếu quy định về các trường hợp miễn phí tại Điều 4 dự thảo Nghị định với quy định về xe ưu tiên tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ để bảo đảm không trùng lặp hoặc bỏ sót, để có cơ sở khi áp dụng vào thực tiễn.	Tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về xe ưu tiên nhưng không quy định mọi loại xe ưu tiên đều được miễn phí sử dụng đường bộ. Tại khoản 3 Điều 10 Luật Phí và lệ phí quy định: “ <i>Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.</i> ” Do đó, quy định về các trường hợp miễn phí tại Điều 4 dự thảo Nghị định là phù hợp với pháp luật chuyên ngành và thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
cho hoạt động tang lễ có chứng nhận đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ tang lễ (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ). Đơn vị phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi cơ sở đăng kiểm khi kiểm định xe (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại). 4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số:... 5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:...	Bộ Ngoại giao	Nội dung của dự thảo Nghị định có đề cập tới đối tượng chịu phí/không chịu phí sử dụng đường bộ, đề nghị rà soát thêm với Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam ngày 23/8/1993.	Bộ Tài chính đã rà soát Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993 (Điều 6, Điều 14), thấy rằng tại Pháp lệnh quy định cơ quan đại diện ngoại giao được miễn thuế và lệ phí đối với trụ sở của cơ quan, trừ các khoản phải trả về dịch vụ cụ thể; viên chức ngoại giao được miễn thuế và lệ phí, trừ các khoản phí, lệ phí đánh vào dịch vụ được cung cấp. Tại khoản 1 Điều 3 Luật Phí và lệ phí quy định: "<i>Phí là khoản tiền phải trả khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công.</i>" Phí sử dụng đường bộ là khoản phí được quy định tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Theo đó, quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993.
	Tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu mở rộng phạm vi áp dụng đối với các xe chuyên dùng của cơ quan quản lý nhà nước, do các phương tiện này đều phục vụ nhiệm vụ chung là hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động hiệu quả của bộ máy nhà nước.	Hiện nay chưa có cơ sở pháp lý để xác định xe chuyên dùng của cơ quan quản lý nhà nước. Do đó, việc bổ sung đối tượng này vào đối tượng miễn phí là chưa phù hợp.
Điều 5. Tổ chức thu phí 1. Cục Đường bộ Việt Nam thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực	Bộ Xây dựng	Đề phù hợp với tên Điều 5, đồng thời thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền (Cục Đường bộ Việt Nam có thể trực tiếp thu phí hoặc	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định như sau: " <i>1. Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thu phí sử dụng đường</i>

[illegible]

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
bị tịch thu, thu hồi, chờ thanh lý không kiểm định để lưu hành sau đó được bán phát mại, thanh lý thì chủ mới của xe ô tô (sau khi xe đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô theo chủ mới) chỉ phải nộp phí sử dụng đường bộ từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành. Khi kiểm định lưu hành, chủ xe ô tô phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Văn bản thông báo thu hồi, biên bản bàn giao tài sản thể chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá. Trường hợp xe bán thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm đi kiểm định lại để lưu hành thì chủ xe ô tô nộp phí tính từ thời điểm nộp tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.	Bộ Công an	Tại tiết a.6 khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định, đề nghị hiệu chỉnh như sau: " <i>a.6) Đối với xe ô tô bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe ô tô của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (mang biển kiểm soát màu xanh); xe ô tô chuyên dùng của lực lượng quốc phòng, công an thanh lý; ...</i> "	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
c) Nộp phí theo tháng Doanh nghiệp có số phí sử dụng đường bộ phải nộp từ 30 triệu đồng/tháng trở lên được thực hiện nộp phí theo tháng. Doanh nghiệp có văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) gửi cơ sở đăng kiểm và thực hiện nộp phí đối với các phương tiện của mình. Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp	Thanh tra Chính phủ	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về hình thức nộp phí sử dụng đường bộ thông qua tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID đã liên kết với tài khoản ngân hàng do hiện nay việc cập nhật đăng ký xe đã được tích hợp trên hệ thống ứng dụng VNeID để đơn giản hóa thủ tục hành chính và đa dạng hình thức thanh toán.	Việc nộp phí sử dụng đường bộ thông qua tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID đã liên kết với tài khoản ngân hàng về bản chất là hình thức nộp phí không dùng tiền mặt. Do đó, trên cơ sở ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về hình thức nộp phí của người nộp phí để thuận tiện trong quá trình thực hiện.
	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	1. Đề nghị chỉnh sửa các ký hiệu để thể hiện các ý trong một điểm tại khoản 1 Điều 7 cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. 2. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại Điều 7 theo hướng xác định rõ trách nhiệm nộp phí của chủ cũ và chủ mới, cũng như nguyên tắc xử lý đối với các khoản nợ phí còn tồn. Cụ thể, cần quy định rõ thời điểm kết thúc trách nhiệm của chủ cũ, thời điểm bắt đầu trách nhiệm của chủ mới, đồng thời quy định cơ chế bảo đảm việc hoàn thành nghĩa vụ nộp phí trước khi thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu.	1. Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. 2. Đã nghiên cứu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và pháp luật về dân sự.
	Ban đọc Dừng (qua Công Thông tin điện tử Chính phủ)	Đề nghị thu phí theo lượt tham gia giao thông cho công bằng, ai đi nhiều thì thu nhiều vì các doanh nghiệp đi nhiều và xe to mới gây ra hỏng đường, đường nhanh xuống cấp. Còn những xe	Tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo dự thảo Nghị định quy định mức thu phân theo loại phương tiện (số chỗ ngồi, khối lượng, mục đích sử dụng). Quy định mức thu như

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
theo, doanh nghiệp phải đến cơ sở đăng kiểm (đã đăng ký nộp phí theo tháng) nộp phí cho tháng tiếp theo. 2...		cá nhân thì ít đi, gây ít hỏng hóc đường.	dự thảo là đảm bảo tính công bằng về mức thu.
	Bạn đọc Bùi Văn Tuấn (qua Công Thông tin điện tử Chính phủ)	Nên đa dạng cách thức nộp phí. Có thể tích hợp vào VneID.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
	Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị điều chỉnh nội dung tại tiết a.2 điểm a khoản 1 Điều 7 theo hướng là không yêu cầu chủ xe ô tô phải đến cơ sở đăng kiểm để nộp phí đường bộ bổ sung. Lý do, dự thảo Nghị định không quy định cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ; tại điểm a.4 khoản 1 Điều 7 cho phép nộp phí đường bộ bổ sung khi đến chu kỳ kiểm định và để thuận lợi cho chủ phương tiện.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
Điều 8. Quản lý và sử dụng phí 1. Tổ chức thu phí sử dụng đường bộ là Cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định. 2. Đối với các cơ sở đăng kiểm thực hiện thu phí a) Trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại Điều 3 Nghị định này (nếu có). b) Sau khi trả lại hoặc bù trừ tiền phí theo quy định tại điểm a khoản này, cơ sở đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ được trích để lại một phần hai mươi tám (1,28%) số	Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị điều chỉnh tỷ lệ trích để lại cho cơ sở đăng kiểm 2% số tiền phí sử dụng đường bộ để trang trải chi phí tổ chức thu.	Tỷ lệ để lại 1,28% tại dự thảo Nghị định được kế thừa theo quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (chỉ bỏ quy định chuyển về Cục ĐKVN là 3% nên tỷ lệ để lại được tính toán lại là 1,28%); Thời điểm xây dựng Nghị định số 90/2023/NĐ-CP cách đây mới hơn 1 năm, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 90/2023/NĐ-CP không phát sinh vướng mắc về tỷ lệ để lại; Tại Đề án, Bộ XD không đề xuất sửa đổi tỷ lệ để lại cho cơ sở đăng kiểm.
	Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh	- Tại khoản 1 điều 5 dự thảo Nghị định quy định: “Cục Đường bộ Việt Nam thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an”. Tại khoản 2 điều 7 quy định: “Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô nộp theo năm ”. Tuy nhiên tại	Tại khoản 2 điều 7 dự thảo Nghị định quy định người nộp phí thực hiện nộp phí theo năm cho tổ chức thu phí. Tại khoản 3 điều 8 dự thảo Nghị định quy định tổ chức thu phí kê khai, nộp phí theo tháng vào NSNN. Quy định này không mâu thuẫn, tuân thủ đúng pháp luật về phí và lệ phí và Luật NSNN.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định. ... 3. Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kê khai, nộp phí sử dụng đường bộ thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp số tiền phí (quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), Cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương theo Chương của Bộ Xây dựng và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. 4...	Bộ Nội Vụ	khoản 3 điều 8 quy định: “Cục Đăng kiểm Việt Nam và Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kê khai, nộp phí sử dụng đường bộ thu được theo tháng, quyết toán theo năm”, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét tính thống nhất giữa khoản 3 điều 8 và khoản 2 điều 7 về thời hạn thu và nộp phí đường bộ. Đề nghị cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu từ phí bảo đảm chặt chẽ, minh bạch và hiệu quả (ví dụ như: nguồn thu có được ưu tiên bố trí cho công tác bảo trì, duy tu đường bộ hay không....).	- Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước, trong đó quy định: toàn bộ các khoản phí từ hoạt động do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung Luật phí và lệ phí cho phù hợp. - Tại khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước: “<i>Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện...</i>” - Tại khoản 1 Điều 42 Luật Đường bộ năm 2024 quy định: “<i>Nguồn tài chính để đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư...</i>” Căn cứ quy định nêu trên, tại dự thảo đã bỏ nội dung quy định “<i>chi cho công tác bảo trì</i>

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hệ thống kết cấu giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ" tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 90.
Điều 9. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp 1. Đối với xe ô tô quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này nếu đã nộp phí sử dụng đường bộ thì chủ xe ô tô được trả lại phí đã nộp tính từ ngày được cấp chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; đối với xe ô tô quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này nếu đã nộp phí thì chủ xe ô tô được bù trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau. a.) Hồ sơ trả lại phí hoặc bù trừ vào số phí sử dụng đường bộ kỳ sau (sau đây gọi chung là trả lại phí) bao gồm: ... a.2) Bản chụp các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này (Quyết định tịch thu, thu hồi hoặc biên bản tạm thu, tạm giữ xe của cơ quan có thẩm quyền, biên bản bàn giao tài sản sau khi bị tạm thu, tạm giữ, Chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe). a.3) Bản chụp biên lai thu phí sử dụng đường bộ (đối với trường hợp sử dụng biên lai thu phí đặt in, tự in) hoặc cung cấp ký hiệu mẫu biên lai và ký hiệu biên lai (đối với trường hợp sử dụng biên lai thu phí điện tử). Trường hợp bị mất biên lai thu phí đặt in, tự in, chủ xe ô tô đề nghị cơ sở đăng	Bộ Xây dựng	(i) Tại tiết a.2 điểm a khoản 1 Điều 9, đề nghị sửa lại như sau: <i>Bản chụp các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này (Quyết định thu hồi Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe). Bản chụp các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này (Quyết định tịch thu, thu hồi hoặc biên bản tạm giữ xe của cơ quan có thẩm quyền, biên bản bàn giao tài sản sau khi bị tạm thu, tạm giữ, Chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe).</i> Lý do: Sửa lại để phù hợp với nội dung tại tiết này để phù hợp với nội dung quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 3 và viết rõ trường hợp được trả phí thì điều kiện hồ sơ là gì và trường hợp bù trừ phí thì điều kiện hồ sơ là gì. (ii) Đề nghị bỏ bớt hồ sơ quy định tại tiết a.3 điểm a khoản 1 Điều 9 vì các cơ sở đăng kiểm hoàn toàn có thể kiểm tra thông tin nộp phí trên Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ tại đơn vị. (iii) Tại tiết a.4 điểm a khoản 1 Điều 9, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: <i>"Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng</i>	Đã tiếp thu các ý kiến của Bộ Xây dựng và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
kiểm nơi nộp phí cấp bản chụp biên lai thu phí. a.4) Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. ... 2. Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3, trình tự, thủ tục như sau: a) Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm... b) Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định pháp luật và đối chiếu thông tin doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ trong ngày làm việc. Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp thì lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không phù hợp thì trả lại hồ sơ cho chủ xe. ... 3. Đối với xe ô tô quy định tại điểm d		<i>không đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn”.</i> Lý do: Đề nghị bổ sung quy định này để nhằm mục đích chủ xe không nộp lại Tem và Giấy chứng nhận kiểm định còn hạn để sử dụng vào mục đích khác. (iv) Tại điểm b khoản 2 Điều 9, đề nghị sửa lại như sau: <i>Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định pháp luật và đối chiếu thông tin doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i> thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ trong ngày làm việc... Lý do: Đề nghị bỏ cụm từ “<i>thông tin doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i>” do không cần thiết vì tại điểm b khoản 1 Điều 3 đã quy định xe kinh doanh vận tải (biển số nền màu vàng, chữ và số màu đen). Tại điểm b khoản 2 Điều 9, đề nghị sửa lại như sau: <i>Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định pháp luật và đối chiếu thông tin doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i>	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 1 Điều 3 Nghị định này: a) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gửi cho Sở Xây dựng Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. ... d) Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn xin xác nhận có dấu xác nhận của Sở Xây dựng. Trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (từ diện chịu phí sang không chịu phí), cơ sở đăng kiểm lập Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp xe chưa được nộp phí tính đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông thì tính và thu phí đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông; trường hợp xe đã được nộp phí qua thời điểm xin xác nhận xe không tham gia giao thông thì được trả lại số phí đã nộp tính từ ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông đến hết ngày đã nộp phí theo biên lai thu phí. Cơ sở đăng kiểm tính, thu phí hoặc trả lại phí cho chủ xe ô tô trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận Đơn xin xác nhận; đ) Trong quá trình hoạt động của doanh		ngành thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ trong ngày làm việc.... Lý do: Đề nghị bỏ cụm từ “<i>thông tin doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i>” do không cần thiết vì tại điểm b khoản 1 Điều 3 đã quy định xe kinh doanh vận tải (biển số nền màu vàng, chữ và số màu đen). (v) Tại khoản 3 điểm d khoản 3 Điều 9 đề nghị sửa lại như sau: <i>Trường hợp xe chưa được nộp phí tính đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông ... thì được trả lại số phí đã nộp tính từ ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định đến hết ngày đã nộp phí theo biên lai thu phí (kể cả trường hợp Sở Xây dựng xác nhận thời gian xe không tham gia giao thông ngắn hơn thời gian theo biên lai thu phí)...</i>; Lý do: vì trong Nghị định chưa quy định thời hạn chủ xe ô tô phải nộp Đơn xin xác nhận có dấu xác nhận của Sở Xây dựng cho cơ sở đăng kiểm nên trong thực tế, có những trường hợp ngày được Sở Xây dựng xác nhận đến ngày cơ sở đăng kiểm thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định cách nhau nhiều tháng, thậm chí cả năm. Ngoài ra, trong mẫu Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng không có quy định hạn. Nhưng trong thực tế một số Sở Xây dựng (như tại Quảng Ninh) lại xác định có thời hạn làm cho các cơ sở đăng kiểm lúng túng khi trả phí thì trả theo ngày Sở Xây dựng xác	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
ngành, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm Đơn xin xác nhận bổ sung gửi Sở Xây dựng theo thủ tục nêu trên; e) Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đề nghị cho phép lưu hành xe trên đường dành cho giao thông công cộng (từ diện không chịu phí sang chịu phí), doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí sử dụng đường bộ để được tham gia giao thông. Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho xe ô tô kể từ ngày chủ xe ô tô đến đăng ký lưu hành trở lại, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc. 4...	Thanh tra Chính phủ Cục Đăng kiểm Việt Nam (Bộ Xây dựng) Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	nhận hay trả theo ngày đã nộp phí theo biên lai thu phí. Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí tại điểm d khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định (Xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, xe chỉ sử dụng trong một số khu vực nhất định) trong trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc sau khi thanh lý, nhưng bán có sử dụng đường giao thông công cộng thì phải chịu phí sử dụng đường bộ theo các mức tại Phụ lục của Nghị định. Đề nghị kết cấu lại nội dung quy định tại Điều 9 của dự thảo Nghị định theo hướng: 1. <i>Hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp</i> 2. <i>Trình tự thực hiện</i> 3. <i>Trường hợp tổ chức thu phí phát hiện việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ quy định hoặc nhầm loại xe ô tô</i> 4. <i>Đối với các xe thuộc lực lượng quốc phòng, công an</i> 1. Đề nghị chỉnh sửa các ký hiệu để thể hiện các ý trong một điểm tại khoản 1 Điều 9 cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. 2. Dự thảo hiện mới quy định việc hoàn trả hoặc bù trừ phí trong các trường hợp xe không còn thuộc diện chịu phí (như hư hỏng, tịch thu, tạm dừng hoạt động...), nhưng chưa làm rõ cách xử lý khi chuyển quyền sở hữu trong thời gian giữa kỳ.	Tại điểm e khoản 5 Điều 9 dự thảo Nghị định đã quy định chủ xe phải nộp phí khi chuyển đổi mục đích từ diện không chịu phí sang chịu phí. Đã nghiên cứu và hoàn thiện lại Điều 9 cho phù hợp, đảm bảo rõ ràng trong quá trình thực hiện và thống nhất với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. 1. Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. 2. Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định (điểm i khoản 1 Điều 7).

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau: “a) <i>Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gửi cho Sở Xây dựng</i> địa phương nơi quản lý phương tiện <i>thuộc quy định tại...</i>” Lý do: để làm rõ thẩm quyền của Sở Xây dựng tại địa phương nơi quản lý phương tiện, tránh tình trạng các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gửi hồ sơ không đúng đến cơ quan có thẩm quyền xác nhận.	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định (điểm a khoản 5 Điều 9).
	Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định như sau: “a) <i>Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm. Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an cấp xã, phường, đặc khu hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn. Đối với xe chưa nộp đủ phí sử dụng đường bộ tính đến thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông thì chủ xe phải nộp bổ sung</i>”.	Việc quy định như dự thảo Nghị định là phù hợp, không phụ thuộc vào việc tổ chức lại, thay đổi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công an các cấp.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 10. Tổ chức thực hiện 1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm: ... 2. Các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm: a) Sử dụng Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ để thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu, nộp, trả lại phí đối với các phương tiện đến đăng kiểm (gồm: tạo biên lai thu phí; lập Quyết định trả lại/bù trừ phí; lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí; lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định) theo đúng quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam; b) Thực hiện chuyển số tiền phí sử dụng đường bộ thu được về tài khoản chuyên thu phí theo quy định của Nghị định này và theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam. c) Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán theo quy định pháp luật. 3. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm: ... 4. Bộ Xây dựng có trách nhiệm: a) Căn cứ số dự kiến thu phí sử dụng	Bộ Xây dựng	Đề nghị cân nhắc với việc giao Bộ Xây dựng “xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử về thu phí sử dụng đường bộ” tại khoản 4 Điều 10 dự thảo Nghị định để không bị trùng lặp và tránh lãng phí khi tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP đã giao Bộ Xây dựng “Xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, chỉ đạo tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia”	Đã nghiên cứu, tiếp thu và bỏ nội dung này tại dự thảo Nghị định.
		Ngày 26/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, trong đó, năm 2025 đã đề ra mục tiêu “100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ.”. Tại dự thảo Nghị định hiện quy định 03 TTHC, đã cắt giảm 02 TTHC so với quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, tuy nhiên các TTHC quy định tại dự thảo Nghị định chưa có quy định để thực hiện trực tuyến. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định rà soát, bổ sung việc thực hiện trực tuyến các TTHC đang quy định trong dự thảo Nghị định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện.	Đã nghiên cứu, tiếp thu và bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 5 Điều 10 đề nghị sửa lại như sau: “Kiểm tra và xác nhận đối với trường hợp xe của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh	Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
đường bộ năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và cơ quan nhà nước quản lý giao thông đường bộ xây dựng, Bộ Xây dựng lập dự toán thu phí và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; b) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí sử dụng đường bộ (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ; c) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử về thu phí sử dụng đường bộ và hướng dẫn các tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu đó, theo lộ trình do Bộ Xây dựng quyết định. 5. Sở Xây dựng có trách nhiệm: a) Kiểm tra và xác nhận đối với trường hợp xe của doanh nghiệp, hộ kinh doanh không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng; b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về danh sách xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá) cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới.	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	<i>doanh không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng</i>”. Lý do: đề nghị bổ sung cá nhân kinh doanh để đồng bộ với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị định. Đề xuất sửa điểm c khoản 4 Điều 10 như sau: Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin về thu phí sử dụng đường bộ; bảo đảm tích hợp với Cơ sở dữ liệu đăng kiểm quốc gia, Công Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thanh toán điện tử của Kho bạc Nhà nước.	Đã nghiên cứu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 11. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Cục Đăng kiểm Việt Nam (Bộ Xây dựng)	Đề nghị bổ sung thêm một khoản tại Điều 11 với quy định chuyển tiếp đối với các xe ô tô có thay đổi về mức thu phí theo quy định tại Nghị định này nếu đã nộp phí qua thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành thì sẽ áp dụng mức thu phí mới kể từ kỳ nộp phí tiếp theo để tránh được việc phải giảm trừ hoặc thu thêm phí đối với các xe đã nộp phí qua thời điểm Nghị định có hiệu lực.	Đã tiếp thu và bổ sung tại dự thảo Nghị định.
Về hồ sơ dự thảo Nghị định	Bộ Nội vụ	Đề nghị rà soát, đảm bảo thực hiện đúng Luật BHVBQPPL, đồng bộ với quy định của pháp luật về: phí và lệ phí, GTĐB, NSNN, quản lý thuế,... đồng thời đảm bảo đúng nội dung, đúng thẩm quyền, phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.	Tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã rà soát toàn bộ hồ sơ dự thảo và nội dung tại dự thảo Nghị định.
Phụ lục I <i>(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)</i> BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ THU QUA ĐÀU	Cục Đăng kiểm Việt Nam (Bộ Xây dựng)	Tại Mục 1, Mục 2 của Biểu mức phí (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị định, đề xuất sửa lại như sau: - Mục 1: xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh không kinh doanh vận tải :130.000 đồng/tháng:	Đã tiếp thu và bổ sung tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
PHƯƠNG TIỆN ĐỐI VỚI XE Ô TÔ 1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây) Mức thu phí sử dụng đường bộ (trừ xe của lực lượng quốc phòng và lực lượng công an) như sau: - Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh: 130.000 đồng/tháng; - Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá): 130.000 đồng/tháng. ...		- Mục 2: Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên) kinh doanh vận tải; xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá): 180.000 đồng/tháng. Lý do: Trong thực tế việc phân chia mức phí của xe con theo tổ chức và xe cá nhân là không hợp lý mà phải nên quy định theo xe con kinh doanh vận tải và xe không kinh doanh vận tải sẽ hợp lý hơn. Đề nghị xem xét bỏ quy định: “<i>các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá)</i>” tại điểm 2 Biểu mức phí (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị định. Lý do: Các đối tượng này đã được hưởng chính sách trợ giá của Nhà nước về vận tải hành khách công cộng rồi thì không nên hỗ trợ tiếp bằng cách giảm mức phí bằng mức giá xe con.	Việc sử dụng xe buýt vận tải hành khách công cộng nhằm giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông, bảo vệ môi trường và đảm bảo an sinh xã hội. Vì vậy, việc tiếp tục có chính sách ưu đãi về phí sử dụng đường bộ đối với đối tượng này là cần thiết.
	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	Khuyến khích sử dụng phương tiện thân thiện với môi trường thông qua cơ chế thu phí ưu đãi, góp phần phát thải, bảo vệ môi trường, phù hợp với cam kết giảm phát thải ròng của Việt Nam. Đề nghị rà soát, điều chỉnh mức thu phí sử dụng đường bộ theo hướng bảo đảm hợp lý (mức phí hiện hành từ 130.000 đến 1.430.000 đồng/tháng) được cho là tương đối cao đối với một bộ phận người dân, đặc biệt là chủ phương tiện cá nhân ở khu vực nông thôn, thu nhập trung bình thấp. Theo đó, cần công khai căn cứ tính toán chi phí bảo trì, duy tu đường bộ nhằm tạo sự minh bạch	Trong hơn 01 năm triển khai thực hiện Nghị định 90/2023/NĐ-CP không phát sinh vướng mắc về mức thu phí. Tại Đề án và công văn tham gia ý kiến của Bộ Xây dựng không đề xuất thay đổi mức thu phí, ưu đãi phí. Nội dung này được kế thừa từ Thông tư số 70/2021/TT-BTC và Nghị định 90/2023/NĐ-CP. Việc công khai căn cứ tính toán chi phí bảo trì, duy tu đường bộ nhằm tạo sự minh bạch và đồng thuận xã hội thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		và đồng thuận xã hội.	
	Bộ Nội Vụ	Về mức thu và phương thức thu nộp: cân nhắc điều chỉnh mức thu phí đối với một số nhóm phương tiện khác nhau (ví dụ như xe kinh doanh vận tải so với xe cá nhân) nhằm bảo đảm tính phù hợp, hợp lý; đồng thời bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống đăng kiểm điện tử và cách thức cơ quan chức năng về kiểm tra việc nộp phí.	Trên cơ sở ý kiến của Cục Đăng kiểm Việt Nam (Bộ Xây dựng), tại Mục 1, Mục 2 của Biểu mức phí (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị định đã quy định rõ hơn đối với trường hợp không kinh doanh vận tải và kinh doanh vận tải.
Phụ lục II (Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/ND-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ) Mẫu số 01: Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô. Mẫu số 02: Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định. Mẫu số 03: Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô. Mẫu số 04: Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí. Mẫu số 05: Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông. Mẫu số 06: Đơn xin xác nhận xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng. ...	Cục Đăng kiểm Việt Nam (Bộ Xây dựng) Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị sửa lại mẫu số 06 của Nghị định để phù hợp với nội dung đã quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị định. Đề nghị bổ sung thêm biểu mẫu đối với nội dung khai báo của chủ xe khi có phương tiện tham gia vận tải hành khách là xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá. Biểu mẫu này phải được gửi đến Sở Xây dựng để Sở Xây dựng có cơ sở tổng hợp và thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 10 của dự thảo Nghị định.	Đã tiếp thu và bổ sung tại dự thảo Nghị định. Việc quy định chủ xe phải khai báo biểu mẫu với Sở Xây dựng khi có phương tiện tham gia vận tải hành khách là xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá sẽ làm phát sinh thủ tục hành chính. Không đúng với chủ trương của Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định.